

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong điều kiện kinh tế hiện nay, khi nước ta chuyển từ mô hình kế hoạch hoá tập trung sang xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để có thể tồn tại và phát, các doanh nghiệp phải tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và làm ăn có lãi. Muốn thực hiện điều đó cả doanh nghiệp không ngừng đổi mới, hoàn thiện bộ máy quản lý cải tiến cơ sở vật chất kỹ thuật, đầu tư cho việc áp dụng các tiến bộ khoa học và nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ công nhân viên và tăng cường công tác hạch toán kinh tế. Sự chuyển đổi này đòi hỏi các doanh nghiệp phải tổ chức quản lý sản xuất, tự lấy thu bù chi và tiêu thụ sản phẩm như thế nào để đạt được hiệu quả cao.

Như ta đã biết thuế đã phát triển thành một hệ thống bao gồm nhiều luật thuế điều tiết hoạt động nhiều lĩnh vực khác nhau tạo nên khoản thu chủ yếu cho ngân sách. Vậy công tác thuế ở doanh nghiệp tốt đảm bảo cho ngân sách Nhà nước, vì nhận rõ tầm quan trọng trong công tác đó em chọn đề tài:

**"Hoàn thiện công tác tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh".**

Nội dung của đề tài đề cập đến vấn đề tình hình phát triển của Công ty, thực tế về kế toán thuế giá trị gia tăng, nội dung được trình bày cụ thể như sau:

**Chương I:** Lý luận chung về thuế giá trị gia tăng.

**Chương II:** Thực trạng kế toán nghiệp vụ thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh.

**Chương III:** Hoàn thiện kế toán nghiệp vụ thuế GTGT tại Công ty

Được sự giúp đỡ nhiệt tình của **Th.s Đồng Thị Nga** và Cô Lan trong phòng kế toán Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh, em đã hoàn thành chuyên đề này. Với kiến thức tích lũy còn hạn chế, phạm vi đề tài rộng và thời gian thực tế chưa nhiều nên bài khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo, các anh chị trong phòng kế toán Công ty để chuyên đề của em được hoàn thiện hơn.

***Em xin chân thành cảm ơn !***

## PHẦN I

### LÍ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

#### I. Lí luận chung về thuế giá trị gia tăng:

##### 1. Khái niệm:

Thuế giá trị gia tăng có nguồn gốc từ thuế doanh thu và Pháp là nước đầu tiên trên thế giới ban hành Luật thuế giá trị gia tăng vào năm 1954. Thuế giá trị gia tăng theo tiếng Pháp gọi là: Taxe Sur La Valeur Tee ( viết tắt là TVA ). Tiếng Anh gọi là Value Added Tax ( viết tắt là VAT), dịch ra tiếng Việt là thuế giá trị gia tăng. Khai sinh từ nước pháp, thuế giá trị gia tăng đã được áp dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Tính đến nay đã có khoảng 130 quốc gia trên thế giới áp dụng thuế giá trị gia tăng.

Theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng là một loại thuế gián thu đánh trên khoảng giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp vào Ngân sách Nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

##### 2. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong lưu thông hàng hóa:

Luật thuế doanh thu quy định doanh thu phát sinh là cơ sở để thực hiện chế độ thu nộp thuế. Do đó Nhà nước đánh thuế trên toàn bộ doanh thu phát sinh của sản phẩm qua mỗi lần dịch chuyển từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Nếu các sản phẩm, hàng hóa chịu thuế càng qua nhiều khâu thì số thuế nhà nước thu được cũng tăng thêm qua các khâu nên việc áp dụng thuế doanh thu dẫn đến tình trạng thuế thu trùng lặp đối với phần doanh thu đã chịu thuế ở công đoạn trước. Điều đó mang tính bất hợp lí, tác động tiêu cực đến sản xuất và lưu thông hàng hóa. Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất, lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu.

##### 3. Cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng:

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được hoạt động như sau:

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hóa dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng đều chịu thuế như nhau.
- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng hóa, dịch vụ lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ. Còn người bán

hàng hóa dịch vụ ở các khâu tiếp theo đối với hàng hóa, dịch vụ đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm.

- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hoá, dịch vụ.
- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (dịch vụ) nộp thay vào kho bạc Nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng.

#### 4. Vai trò của thuế giá trị gia tăng trong quản lý Nhà nước về kinh tế

Thuế là công cụ rất quan trọng để Nhà nước thực hiện chức năng quản lý vĩ mô đối với nền kinh tế. Nền kinh tế nước ta đang trong quá trình vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, do đó thuế giá trị gia tăng có vai trò rất quan trọng và được thể hiện như sau:

- Thuế giá trị gia tăng thuộc loại thuế gián thu và được áp dụng rộng rãi đối với mọi tổ chức, cá nhân có tiêu dùng sản phẩm hàng hoá hoặc được cung ứng dịch vụ, nên tạo được nguồn thu lớn và tương đối ổn định cho ngân sách Nhà nước.
- Thuế tính trên giá bán hàng hoá, dịch vụ nên không phải đi sâu xem xét, phân tích về tính hợp lý, hợp lệ của các khoản chi phí, làm cho việc tổ chức quản lý tương đối dễ dàng hơn các loại thuế trực thu.
- Đối với hàng xuất khẩu không những không nộp thuế giá trị gia tăng mà còn được khấu trừ hoặc được hoàn lại số thuế giá trị gia tăng đầu vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng xuất khẩu có thể cạnh tranh thuận lợi trên thị trường quốc tế.
- Thuế giá trị gia tăng cùng với thuế nhập khẩu làm tăng giá vốn đối với hàng nhập khẩu, có tác dụng tích cực bảo hộ sản xuất kinh doanh hàng nội địa.
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chống thất thu thuế đạt hiệu quả cao. Tuy vậy, ở khâu bán lẻ cuối cùng giá trị tăng thêm thường không lớn, số thuế thu ở khâu này không nhiều.
- Thuế giá trị gia tăng thường có ít thuế suất, bảo đảm sự đơn giản, rõ ràng.
- Nâng cao tính tự giác trong việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người nộp thuế. Việc kiểm tra thuế giá trị gia tăng cũng có mặt thuận lợi vì đã buộc người mua, người bán phải nộp và lưu trữ

chứng từ, hoá đơn đầy đủ nên việc thu thuế tương đối sát với hoạt động kinh doanh, từ đó tập trung được nguồn thu thuế giá trị gia tăng vào Ngân sách Nhà nước ngay từ khâu sản xuất và thu thuế ở khâu sau, còn kiểm tra được việc tính thuế, nộp thuế ở khâu trước nên hạn chế được thất thu về thuế.

- Tăng cường công tác hạch toán kế toán và thúc đẩy việc mua bán hàng hoá có hoá đơn chứng từ, việc tính thuế đầu ra được khấu trừ tính thuế đầu vào là biện pháp kinh tế góp phần thúc đẩy cả người mua và người bán cùng thực hiện tốt hơn chế độ hoá đơn, chứng từ.
- Việc khấu trừ thuế đã nộp ở đầu vào còn có tác dụng khuyến khích hiện đại hoá, chuyên môn hoá sản xuất, tăng cường đầu tư mua sắm trang thiết bị mới để hạ giá thành sản phẩm.
- Thuế giá trị gia tăng được ban hành gắn liền với việc sửa đổi, bổ sung một số loại thuế khác như: thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu,...góp phần làm cho hệ thống chính sách thuế của Việt Nam ngày càng hoàn thiện, phù hợp với sự vận động và phát triển của nền kinh tế thị trường, tương đồng với hệ thống thuế trong khu vực và trên thế giới, góp phần đẩy mạnh việc mở rộng hợp tác kinh tế và thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Nhìn chung trong các loại thuế gián thu, thuế giá trị gia tăng được coi là phương pháp thu tiền bộ nhất hiện nay, được đánh giá cao do đạt được các mục tiêu lớn của chính sách thuế, như tạo được nguồn thu lớn cho Ngân sách Nhà nước, đơn giản, trung lập...

## II. Các quy định của thuế giá trị gia tăng

### 1. Đối tượng chịu thuế

Đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng ( GTGT ) là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh à tiêu dùng ở thị trường Việt Nam (bao gồm cả hàng hoá, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 6 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

### 2. Người nộp thuế

Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu)

### 3. Đối tượng không chịu thuế

Có 25 loại hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT được phân làm các nhóm sau:

- Nhóm 1: Hàng hoá dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu của cộng đồng  
Ví dụ: Dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư, duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng, dịch vụ tang lễ. Các dịch vụ nêu tại điểm này không phân biệt nguồn kinh phí chi trả.
- Nhóm 2: Hàng hoá, dịch vụ đang khuyến khích hoặc cần được khuyến khích.  
Ví dụ: Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử, in tiền.  
Báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, bao gồm cả hoạt động truyền trang báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành.
- Nhóm 3: Đối tượng nộp thuế chuyển quyền sử dụng đất  
Ví dụ: Nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do nhà nước bán cho người đang thuê. Chuyển quyền sử dụng đất.
- Nhóm 4: Khoáng sản khai thác chưa chế biến đem xuất khẩu  
Ví dụ: Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến.

#### 4. Căn cứ và phương pháp tính thuế giá trị gia tăng

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

##### 4.1. Giá tính thuế

Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau (Nguyên tắc: giá tính thuế là giá chưa có thuế GTGT)

4.1.1. Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất kinh doanh bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác:

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

4.1.2. Đối với hàng hoá nhập khẩu:

Giá tính thuế = giá nhập khẩu + thuế nhập khẩu + thuế TTĐB (nếu có)

4.1.3. Đối với HHDV chịu thuế TTĐB

Giá tính thuế = giá chưa có thuế GTGT + thuế GTGT

4.1.4. Đối với HH bán theo phương thức trả góp, trả chậm

Giá tính thuế = giá bán trả lần 1 chưa VAT (không bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

4.1.5. Đối với dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới, uỷ thác XNK và dịch vụ khác hưởng tiền công, hoa hồng:

Giá tính thuế = giá tiền công, hoa hồng được hưởng chưa có VAT

4.1.6. Đối với hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi biểu tặng hoặc trả thay lương

Giá tính thuế = giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

4.1.7. Đối với dịch vụ cho thuê tài sản:

Giá tính thuế = số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

4.1.8. Đối với hàng hoá dịch vụ cơ sở kinh doanh xuất để tiêu dùng, không phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc dùng sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ không chịu VAT:

Giá tính thuế = giá bán hàng hoá dịch vụ cùng loại hoặc tương đương vào cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

4.1.9. Đối với hoạt động in

Giá tính thuế = tiền công in (có thể gồm cả tiền giấy in)

4.1.10. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Giá tính thuế = Giá bán - Tiền sử dụng đất

4.1.11. Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, trọn gói (ăn, ở, đi lại)

Giá tính thuế = (Giá trọn gói – Chi phí thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT) / (1 + thuế suất)

4.1.12. Đối với HHDV sử dụng hoá đơn đặc thù

Giá tính thuế = Giá bán / (1 + thuế suất)

4.2. Thuế suất

Có 3 mức thuế suất: 0%, 5%, 10%

4.2.1. Thuế suất 0%: HHDV xuất khẩu và được coi như xuất khẩu và một số dịch vụ khác

- Hàng hoá XK, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (dịch vụ vận chuyển đưa đón CBCNV, cung cấp suất ăn cho CBCNV của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế

4.2.2. Thuế suất 5%: HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng (15 nhóm)

4.2.2.1. Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt, không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác áp dụng mức thuế suất 10%.

- 4.2.2.2. Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng
- 4.2.2.3. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác
- 4.2.2.4. Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng, sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp
- 4.2.2.5. Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, hải sản chưa qua chế biến hoặc chỉ qua sơ chế làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác ở khâu kinh doanh thương mại
- 4.2.2.6. Mủ cao su sơ chế như mủ cò rệp, mủ tờ, mủ bún, mủ côm; nhựa thông sơ chế; lưới; dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá
- 4.2.2.7. Thực phẩm tươi sống; nông sản chưa qua chế biến ở khâu kinh doanh thương mại, trừ gỗ, măng
- 4.2.2.8. Đường, phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm giẻ đường, bã mía, bã bùn
- 4.2.2.9. Sản phẩm bằng đay, cói, tre, song, mây, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp
- 4.2.2.10. Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp
- 4.2.2.11. Thiết bị, dụng cụ y tế gồm máy móc và dụng cụ chuyên dùng cho y tế như: Các loại máy soi, chiếu, chụp dùng để khám, chữa bệnh; các thiết bị, dụng cụ chuyên dùng để mổ...
- 4.2.2.12. Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, compa và các loại thiết bị, dụng cụ chuyên dùng cho giảng dạy, nghiên cứu thí nghiệm khoa học
- 4.2.2.13. Hoạt động văn hoá, triển lãm, thể dục thể thao; biểu diễn nghệ thuật, sản xuất phim, nhập khẩu, phát hành và chiếu phim
- 4.2.2.14. Đồ chơi trẻ em, sách các loại, trừ sách không chịu thuế GTGT nêu tại phần trên
- 4.2.2.15. Dịch vụ khoa học và công nghệ là các hoạt động phục vụ việc nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ; các dịch vụ về thông tin, tư vấn, đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến, ứng dụng tri thức khoa học và công nghệ và kinh nghiệm thực tiễn, không bao gồm trò chơi trực tuyến và dịch vụ giải trí trên internet.
- 4.2.3. Thuế suất 10%: HHDV thông thường còn lại
- III. PHƯƠNG PHÁP TÍNH THUẾ GTGT**

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp:  
Phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

Đối tượng áp dụng thuế và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

#### 1. Phương pháp khấu trừ thuế

Đối tượng: Áp dụng đối với các đơn vị thực hiện tốt chế độ kế toán, sử dụng hoá đơn GTGT và không thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp trực tiếp

Công thức xác định:

Thuế phải nộp = Thuế đầu ra - Thuế đầu vào được khấu trừ

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của HH, DV chịu thuế bán ra x thuế suất VAT của HHDV đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào định thuế X thuế suất thuế GTGT.

#### Xác định thuế GTGT đầu ra

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hoá đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế GTGT, tổng số tiền người mua phải thanh toán.

Trường hợp hoá đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế GTGT thì thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hoá đơn chứng từ.

Trường hợp hoá đơn ghi sai mức thuế suất mà cơ sở kinh doanh bán hàng hoá dịch vụ chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên hoá đơn > mức thuế suất quy định => doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên hoá đơn.
- Nếu mức thuế suất ghi trên hoá đơn < mức thuế suất quy định => doanh nghiệp phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định.

#### Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT => chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT.

Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào.



Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn,...Nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế GTGT của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế GTGT thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi hoá đơn GTGT không đúng quy định (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hoá đơn bị tẩy xóa, hoá đơn ghi không đúng giá trị thực của hàng hoá dịch vụ mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì được xử lý như sau:

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào = doanh thu chịu thuế GTGT/tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ.

$$\Rightarrow \text{số thuế GTGT} = \text{tổng số thuế GTGT} \times \text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào}$$

Điều kiện khấu trừ thuế

- a. Có hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế GTGT đối với trường hợp mua dịch vụ.
- b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.
  - Đối với hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị trên 20 triệu đồng, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ, hoá đơn GTGT và chứng từ thanh toán qua ngân

hàng của hàng hoá, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào, cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh lại số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ.

- Hàng hoá, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán qua ngân hàng, trường hợp sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.
- Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của 1 nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị trên 20 triệu đồng thì được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

## 2. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng

Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng áp dụng đối với các đối tượng sau đây:

- a. Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- b. Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.
- c. Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý và hoạt động chế tác sản phẩm vàng, bạc, đá quý thì phải hạch toán riêng được hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý để áp dụng theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT .

Xác định thuế GTGT phải nộp

Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp trên GTGT = GTGT của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ đó.

- a. GTGT của hàng hóa, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra – giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phaanh biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hóa, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

Giá trị gia tăng xác định đối với một số ngành nghề kinh doanh như sau:

- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh số bán với doanh số vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào dùng cho sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở kinh doanh không hạch toán được doanh số, vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua vào tương ứng với doanh số hàng bán ra thì xác định như sau:

Giá vốn hàng bán ra = Doanh số tồn đầu kì + Doanh số mua trong kì – Doanh số tồn cuối kì.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là số chênh lệch giữa tiền thu về xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình – Chi phí vật tư nguyên liệu, chi phí động lực, vận tải, dịch vụ và chi phí khác mua ngoài để phục vụ cho hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình.
- Đối với hoạt động vận tải là số chênh lệch giữa tiền thu cước vận tải, bốc xếp – Chi phí xăng dầu, phụ tùng thay thế và chi phí khác mua ngoài dùng cho hoạt động vận tải.
- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống là số chênh lệch giữa tiền thu về bán hàng ăn uống, tiền phục vụ và các khoản thu khác – Giá vốn hàng bán, dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.
- Đối với hoạt động kinh doanh vàng bạc, đá quý, ngoại tệ, giá trị gia tăng là số chênh lệch giữa doanh số bán ra vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ - Giá vốn của vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ bán ra.
- Đối với cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế có kinh doanh mua, bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ áp dụng phương pháp tính trực tiếp trên GTGT, cơ sở phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào để kê khai thuế GTGT phải nộp của hàng hóa, dịch vụ theo từng hoạt động kinh doanh và phương pháp tính thuế riêng.

Trường hợp không hạch toán được riêng thì được xác định phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tương ứng với tỉ lệ doanh thu của

hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ thuế trên tổng doanh thu bán hàng phát sinh trong kì.

- Đối với các hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa tiền thu về hoạt động kinh doanh – Giá vốn của hàng hóa dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.
- Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT không được tính giá trị tài sản mua ngoài, đầu tư, xây dựng làm tài sản cố định vào doanh số hàng hóa, dịch vụ mua vào để tính giá trị gia tăng

b. Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hóa, dịch vụ có đầy đủ hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định = Doanh thu x Tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu làm căn cứ xác định GTGT được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hóa): 10%
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

c. Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ tài chính quy định.

#### IV. Thủ tục kê khai thuế, nộp thuế

##### 1. Kê khai thuế

- Các cơ sở kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu quy định.

- Đối với các cơ sở kinh doanh NK, mỗi lần phát sinh hoạt động NK, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần NK cùng với việc kê khai thuế NK cho cơ quan Hải quan thu thuế tại cửa khẩu NK

- Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyến phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyến hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

## 2. Nộp thuế

- Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế không quá ngày 25 của tháng tiếp theo.

- Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10 – 15 ngày/lần và trong thời hạn quy định (theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng

## 3. Hoàn thuế

Theo luật thuế GTGT thì các cơ sở sản xuất kinh doanh, người nhập khẩu được hoàn thuế GTGT trong các trường hợp sau:

- a. Các cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hoàn thuế trong các trường hợp sau:
  - Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng trở nên có số thuế lũy kế số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra.
  - Các cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng tháng.
- b. Cơ sở kinh doanh mới thành lập thuộc đối tượng đăng ký nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng chưa có doanh thu bán hàng, chưa có thuế GTGT đầu ra để khấu trừ với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì sẽ được xem xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định, vật tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì sẽ được xét hoàn thuế theo từng quý.
- c. Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, giải thể, chia tách...có số thuế GTGT nộp thừa thì có quyền đề nghị hoàn thuế.
- d. Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- e. Tổ chức cá nhân ở Việt nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, các nhân nước ngoài để mua hàng hóa dịch vụ tại Việt Nam.

## V. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế

### 1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng

với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo quy định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.
- Quản lý thuế GTGT đầu ra: đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.
- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: đây là số tiền mà Nhà nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là 1 vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo quy định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng bòn rút ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

## 2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT

### 2.1. Mô tả công việc nhân viên kế toán thuế nói chung

#### 2.1.1. Trách nhiệm

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hóa đơn GTGT với bảng kê với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Kiểm tra đối chiếu bảng kê khai hồ sơ xuất khẩu
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp của thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập Báo cáo tổng hợp của thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỷ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp Ngân sách, tồn đọng Ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.

- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng kí phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế khi theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hóa đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hóa đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn thuế để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hóa đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyển không để hư hỏng, thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hóa đơn (mở sổ giao và kí nhận).
- Theo dõi tình hình giao nhận hóa đơn của các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn trong kì.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ của các đơn vị cơ sở.

#### 2.1.2. Quyền hạn

- Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hóa đơn cần điều chỉnh hoặc thanh hủy theo quy định của Luật thuế hiện hành.
- Nhận xét, đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
- Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
- Các công việc khác có liên quan đến thuế.

#### 2.1.3. Mối liên hệ công tác

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty: nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.
- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

## 2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng

- Thứ nhất: theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hóa đơn GTGT.

- Thứ hai: lập bảng kê thuế hàng tháng bao gồm:

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hóa đơn GTGT.

- Thứ ba: Khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- Thứ tư: vào sổ kế toán và lập báo cáo kế toán thuế

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như: phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có... để vào các sổ chi tiết tài khoản 133, 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133, 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ để gửi Ban giám đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hòa giữa chế độ và quy định của nhà nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

## VI. Phương pháp kế toán thuế GTGT

### 1. Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hóa đơn GTGT.
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào.
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.
- Tờ khai thuế GTGT.
- Quyết toán thuế GTGT
- ...



Các hóa đơn, chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ tài chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng kí với cơ quan thuế để tự in hóa đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hóa đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hóa đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

2. Tài khoản kế toán

Kế toán thuế GTGT được phản ánh trên tài khoản 133 “Thuế GTGT được khấu trừ” và tài khoản 3331 “Thuế GTGT phải nộp”. Kết cấu của 2 tài khoản này như sau:

2.1. Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

\* Nội dung: tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Kết cấu:

Nợ	TK 133	Có
<p><u>Số phát sinh tăng</u>: số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tăng trong kỳ</p>	<p><u>Số phát sinh giảm</u>: số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ giảm trong kỳ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khấu trừ thuế GTGT</li> <li>- Hoàn thuế GTGT</li> <li>- Phân bổ thuế GTGT</li> </ul>	
<p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ đến cuối kỳ.</p>		

TK 133 có 2 tài khoản cấp II:

- TK 1331- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ: phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hóa dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- TK 1332- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

\* Nguyên tắc hạch toán:

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
  - Vật tư, hàng hóa, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK 133 đối với vật tư, hàng hóa mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.
- Trong trường hợp không bóc tách được giá trị vật tư, hàng hóa sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK 133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK 1421 “Chi phí trả trước”.
- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại khấu trừ tiếp theo ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.
  - Nếu mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn GTGT theo quy định hoặc có hóa đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hóa đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

2.2. Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp.

\* Nội dung: dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

Kết cấu:

Nợ	TK 3331	Có
----	---------	----

<p><u>Số phát sinh giảm</u>: khấu trừ thuế GTGT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuế GTGT được miễn giảm.</li> <li>- Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN.</li> <li>- Số thuế GTGT</li> </ul>	<p><u>Số phát sinh tăng</u>: số thuế GTGT tăng phải nộp trong kỳ</p>
<p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN</p>	<p><u>SDCK</u>: Số thuế GTGT còn phải nộp đến cuối kỳ</p>

TK 3331 có 2 tài khoản cấp III:

- Tk 33311- Thuế GTGT đầu ra của hàng hóa, dịch vụ: dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.
- TK 33312- Thuế GTGT phải nộp của hàng nhập khẩu: dùng để phản ánh số thuế GTGT của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào NSNN.

\* Nguyên tắc hạch toán:

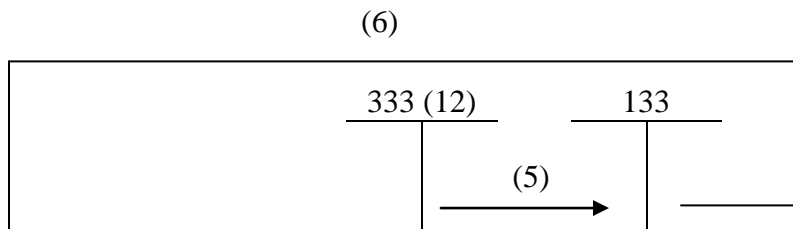
Doanh nghiệp chủ động tính thuế, kê khai thuế phải nộp hàng tháng và nộp thuế đúng thời gian quy định theo thông báo của cơ quan thuế.

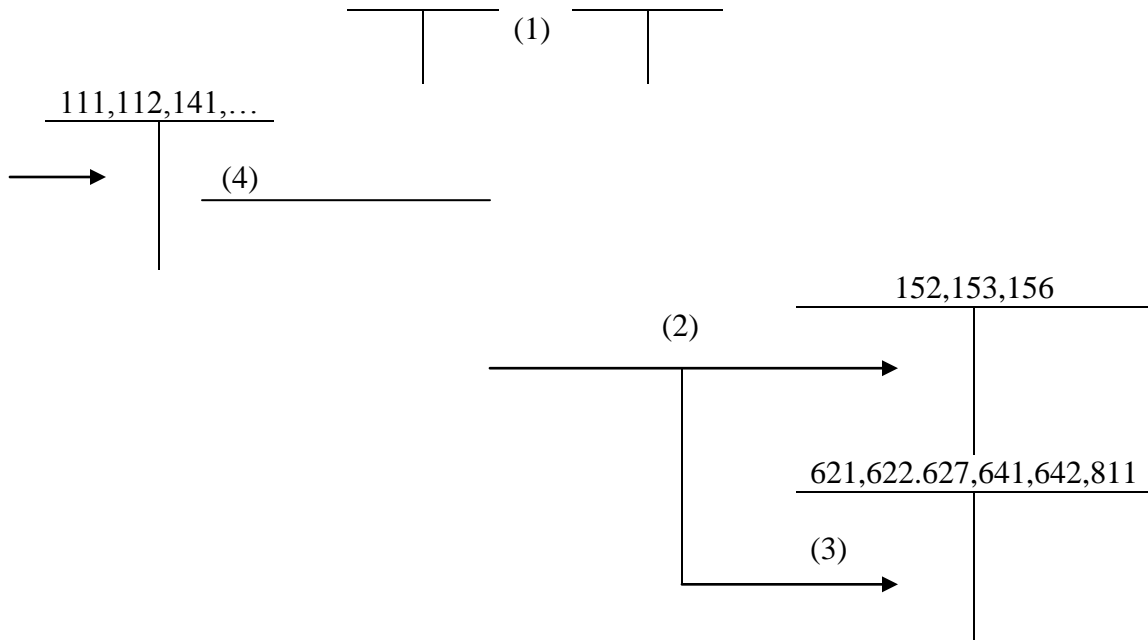
3. Trình tự kế toán:

3.1. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

a. Hạch toán thuế GTGT đầu vào

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu vào được thể hiện trên sơ đồ sau:

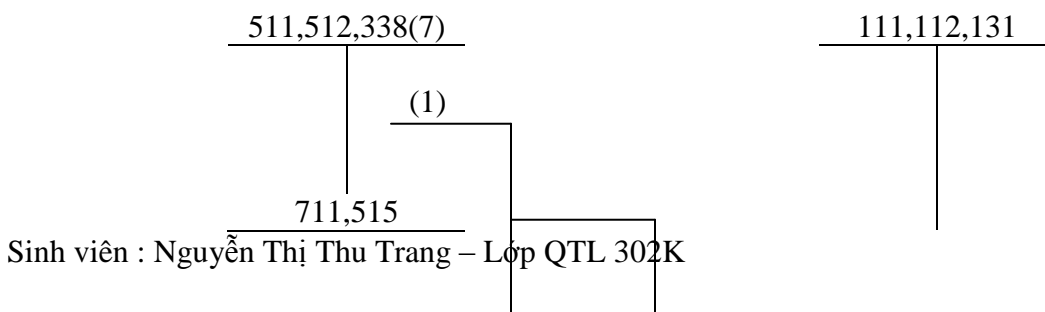


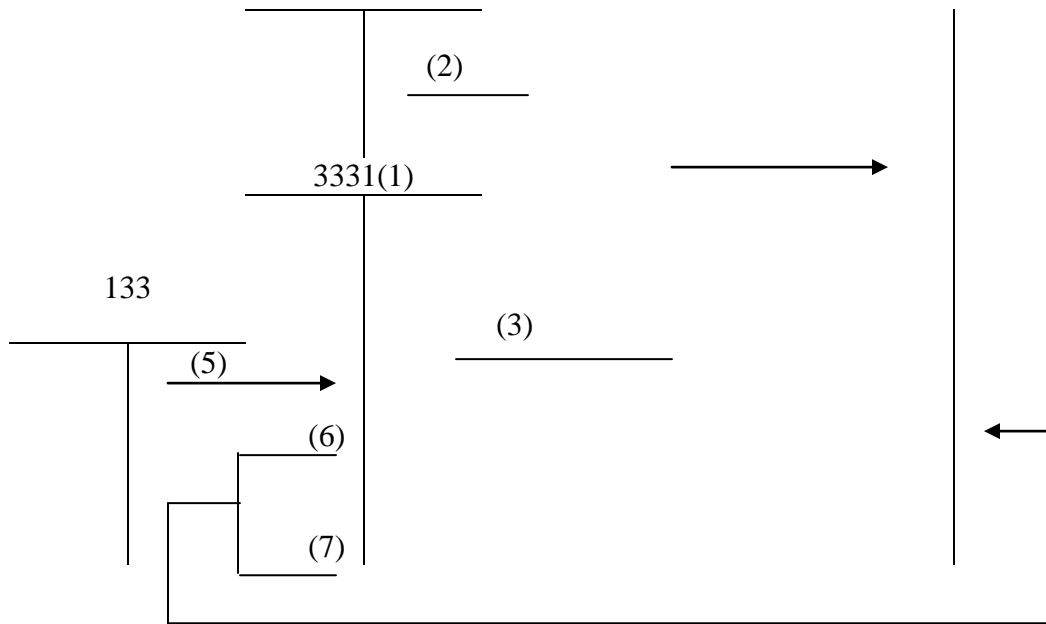


Ghi chú:

- (1): Thuế GTGT đầu vào
  - (2): Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa, TSCĐ... nhập kho
  - (3): Trị giá mua chưa có thuế của vật tư, hàng hóa đưa vào sử dụng ngay
  - (4): Tổng giá thanh toán
  - (5): Thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp được khấu trừ
  - (6): Thuế GTGT được giảm trừ hoặc được hoàn trả đã nhận
- b. Hạch toán thuế GTGT đầu ra

Quy trình hạch toán thuế GTGT đầu ra được thể hiện trên sơ đồ sau:





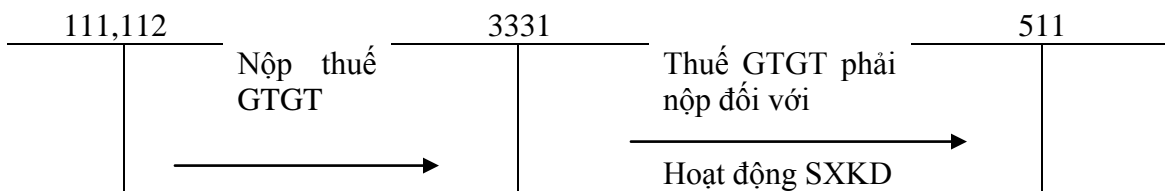
Ghi chú:

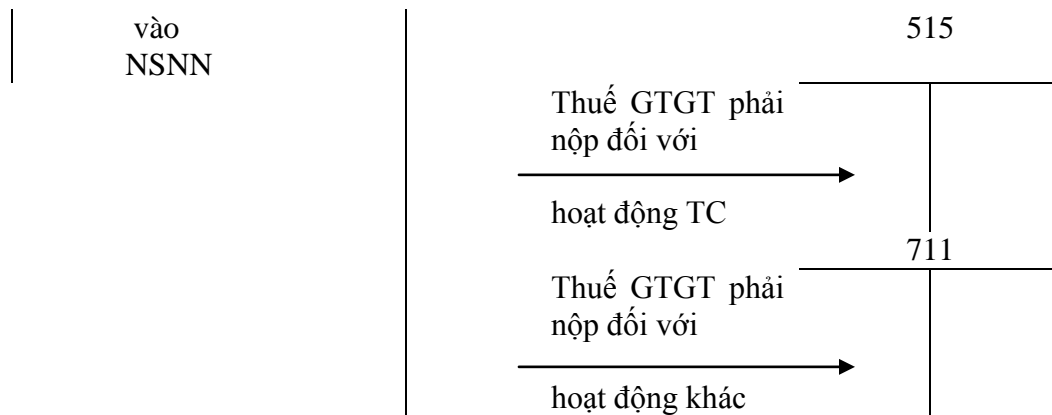
- (1): Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ.
- (2): Thu nhập khác, doanh thu hoạt động tài chính.
- (3): Thuế GTGT đầu ra.
- (4): Tổng giá thanh toán.
- (5): Khấu trừ thuế GTGT.
- (6): Thuế GTGT giảm trừ đã hoàn trả.
- (7): Nộp thuế GTGT vào ngân sách.

3.2. Đối với đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện tài khoản 133 và 33311. Do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

Cuối kỳ sau khi hạch toán số thuế phải nộp, kế toán hạch toán theo sơ đồ sau:





#### 4. Tổ chức sổ kế toán

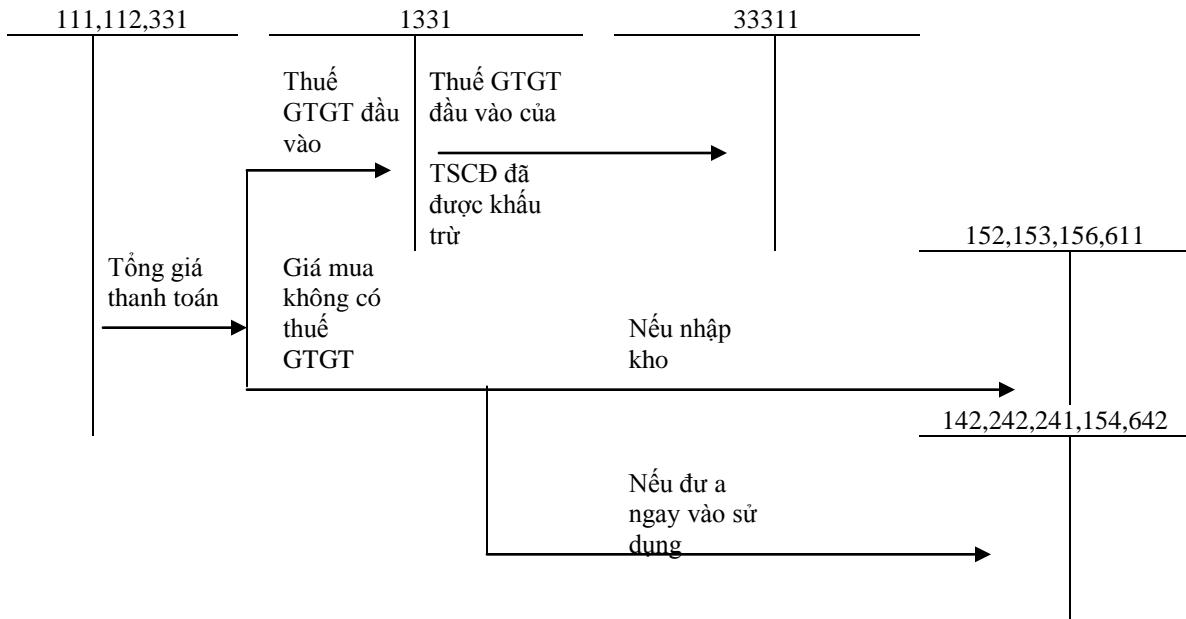
Theo mỗi hình thức kế toán khác nhau, sổ sách kế toán sử dụng trong kế toán thuế GTGT cũng khác nhau. Quy trình ghi sổ diễn ra như sau:

Chú ý: Căn cứ để xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ là số tiền thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT khi mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế GTGT ở khâu nhập khẩu (đối với hàng hóa nhập khẩu), chứng từ nộp thuế GTGT thay cho pgias nước ngoài theo quy định của pháp luật (trường hợp nộp hộ thuế cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam)

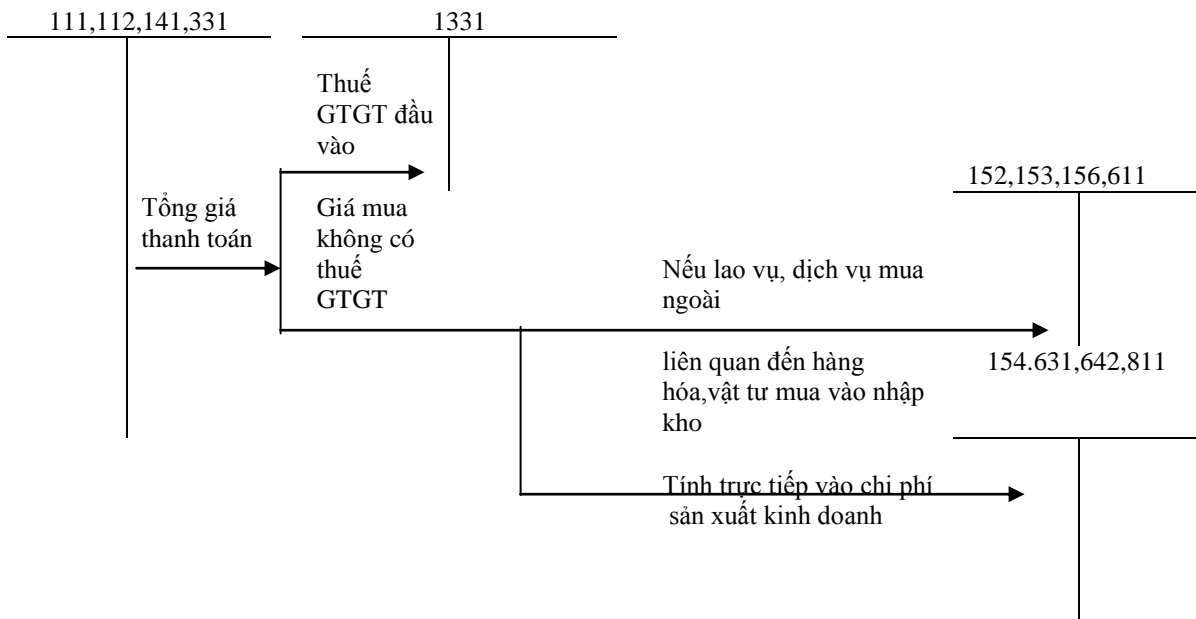


### KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO

Kế toán thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hóa mua nội địa:

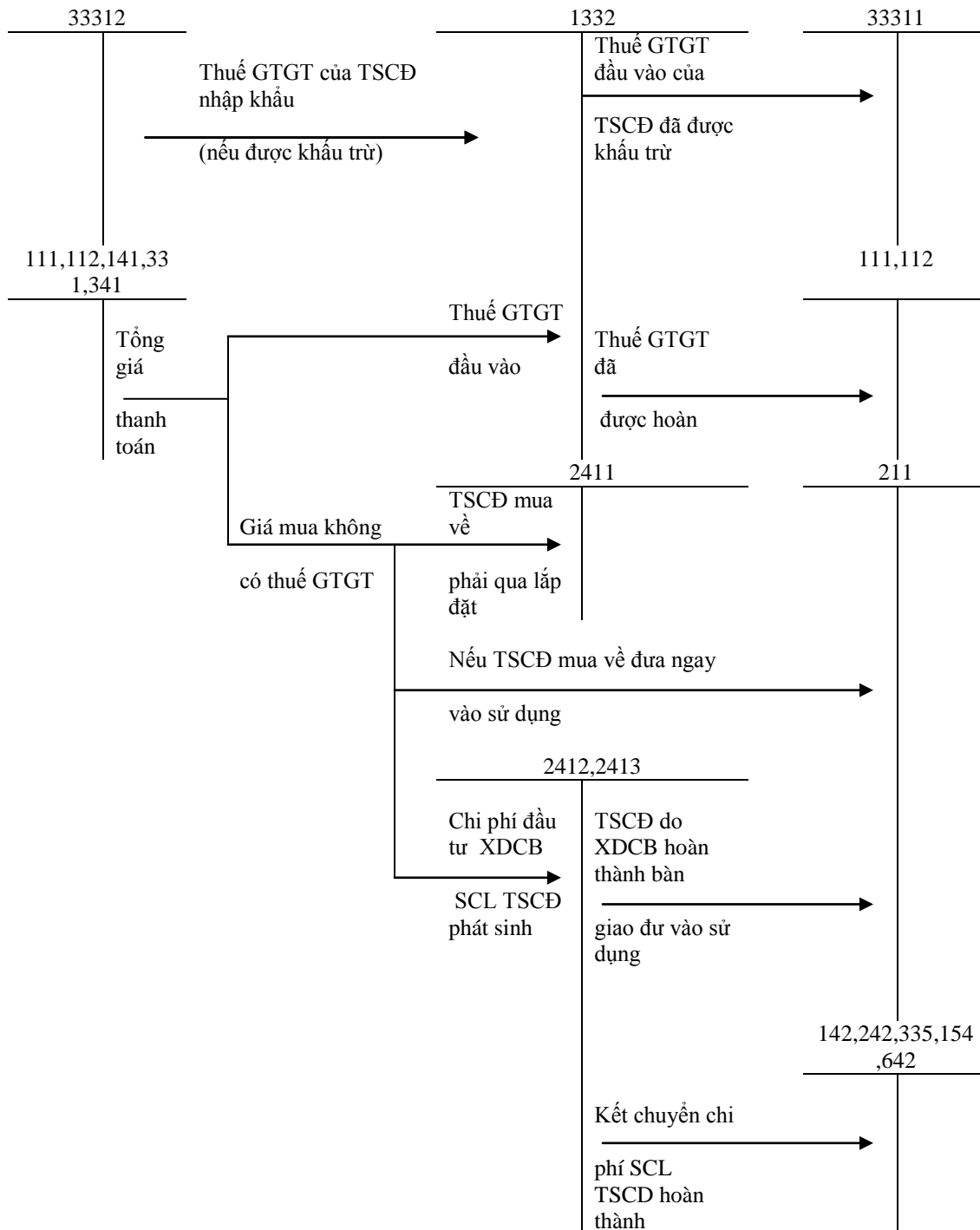


Kế toán thuế GTGT đầu vào của hàng hóa dịch vụ mua ngoài:



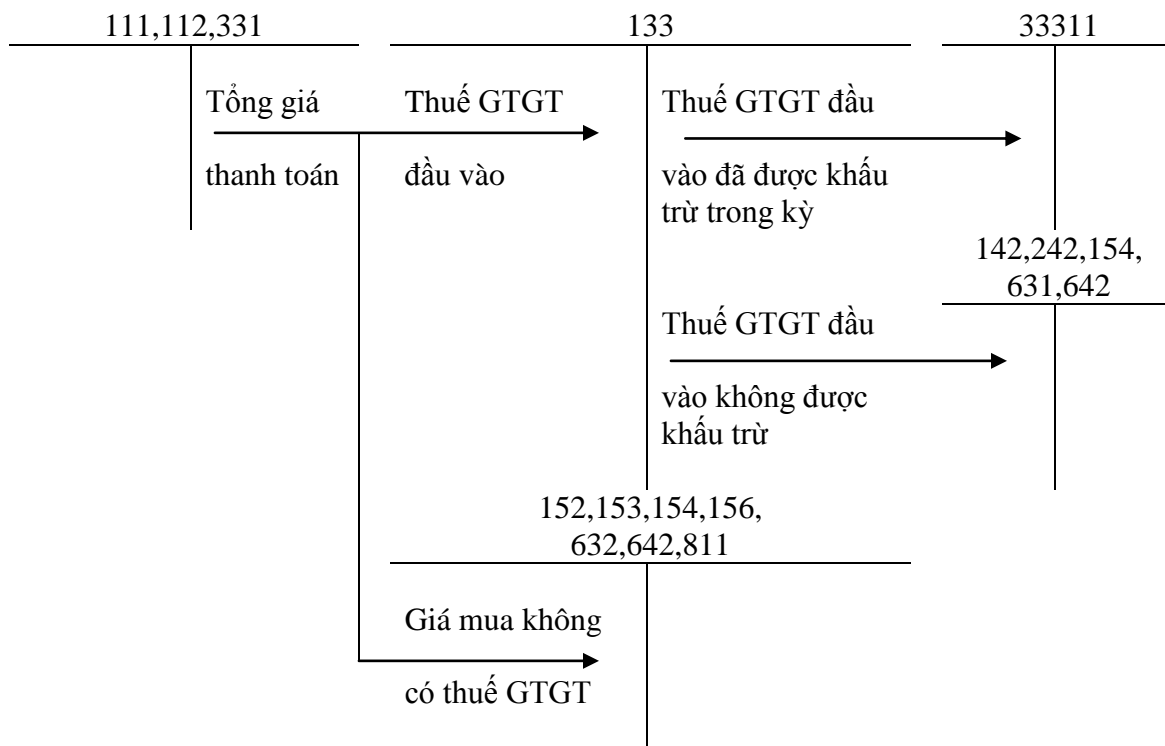


**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA TSCĐ ĐẦU TƯ, MUA SẴM SỬA CHỮA:**



Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào không có hóa đơn GTGT hoặc có hóa đơn GTGT nhưng không đúng quy định của pháp luật thì doanh nghiệp không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào như: hóa đơn GTGT

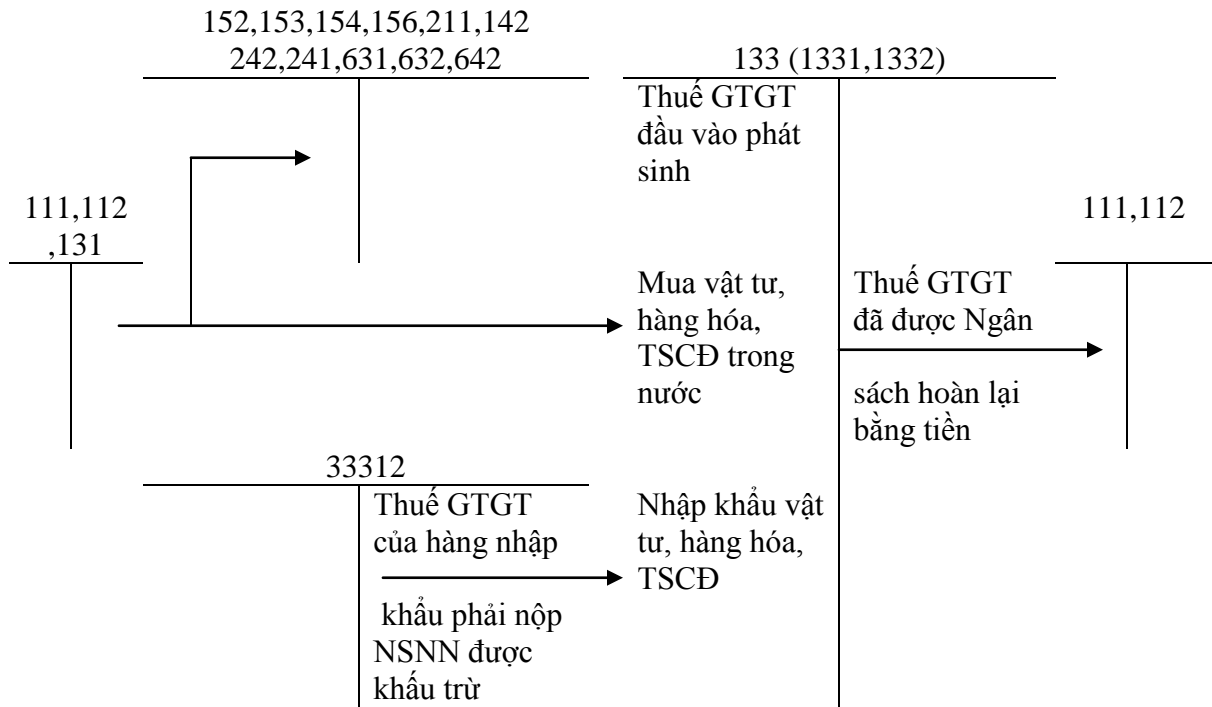




Lưu ý: thuế GTGT đầu vào của vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua về dùng đồng thời cho hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, nhưng doanh nghiệp không hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ. Trường hợp này thuế GTGT được khấu trừ theo tỷ lệ giữa doanh thu, dịch vụ chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

Thuế GTGT không được khấu trừ được phản ánh vào các tài khoản liên quan tùy theo từng trường hợp cụ thể: thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của vật tư, hàng hóa, dịch vụ ghi nợ TK 632/ có TK 133, phát sinh lớn phải phân bổ dần: ghi nợ TK 142, 242/ ghi có TK 133

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN

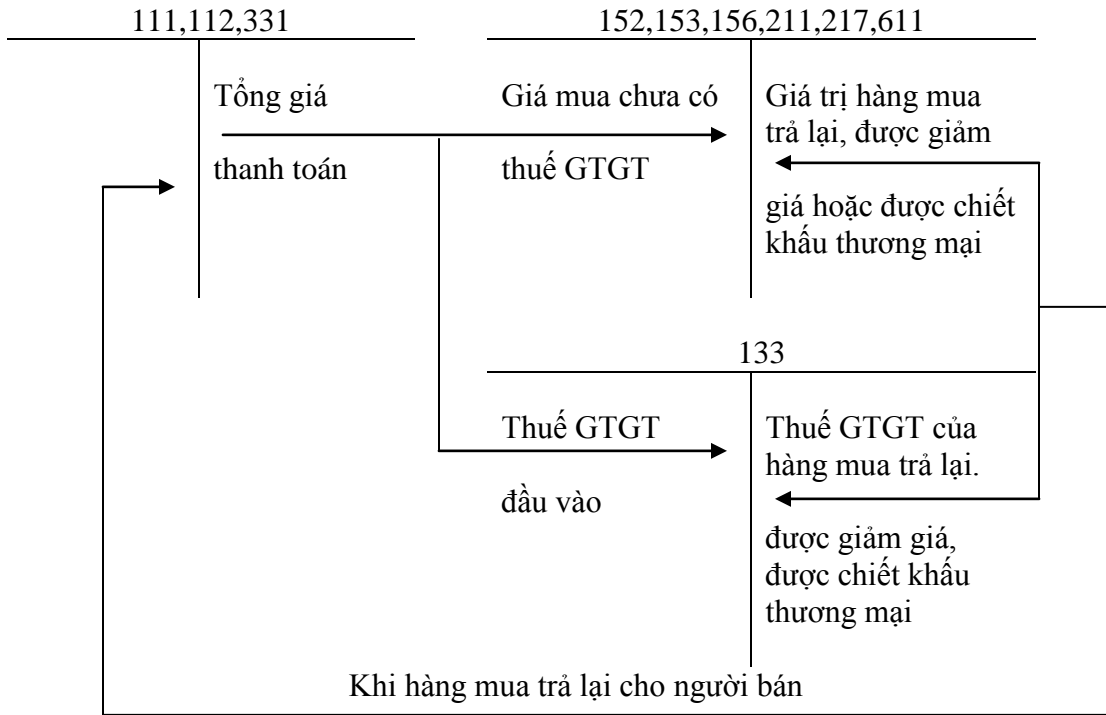


Chú ý:

- Thuế GTGT được hoàn khi đã nhận được tiền của NSNN, ghi nợ TK 111, 112/ có TK 133.
- Doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ được phép hoàn thuế trong các trường hợp sau:
  - Doanh nghiệp trong 3 tháng liên tục trở lên (không phân biệt theo quý của năm dương lịch cũng như niên độ kế toán) có số thuế đầu vào chưa được khấu trừ hết. Trường hợp này áp dụng cho cả doanh nghiệp có đầu tư mới, đầu tư chiều sâu.
  - Doanh nghiệp trong tháng có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, nếu có số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa xuất khẩu phát sinh trong tháng chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng. Doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu thuộc đối tượng hoàn thuế thuế GTGT phải đủ các điều kiện, thủ tục theo quy định.
- Doanh nghiệp đầu tư mới đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào

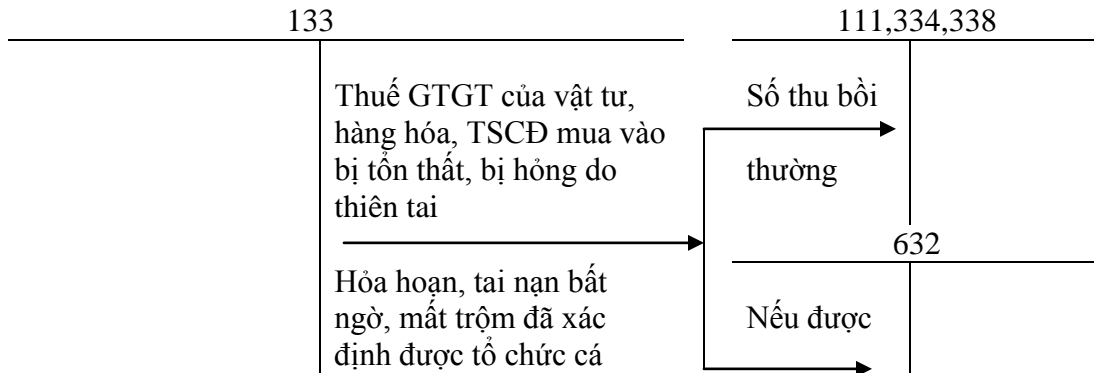
hoạt động phát sinh thuế đầu ra. Và thời gian đầu tư từ một năm trở lên thì doanh nghiệp vẫn phải lập tờ khai thuế hàng tháng và được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm dương lịch. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn có giá trị lớn từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo từng quý (3 tháng liên tục không phân biệt theo năm).

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI**



Được giảm giá hàng mua, được chiết khấu thương mại

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA VẬT TƯ, HÀNG HÓA, TSCĐ MUA VÀO BỊ TỖN THẤT**



nhân có trách nhiệm phải bồi thường	tính vào chi phí
-------------------------------------	------------------

Chú ý: thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, vật tư, TSCĐ mua vào bị tổn thất do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, bị mất trộm, nếu xác định được tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hóa này được tính vào giá trị hàng hóa tổn thất phải bồi thường không được khấu trừ.

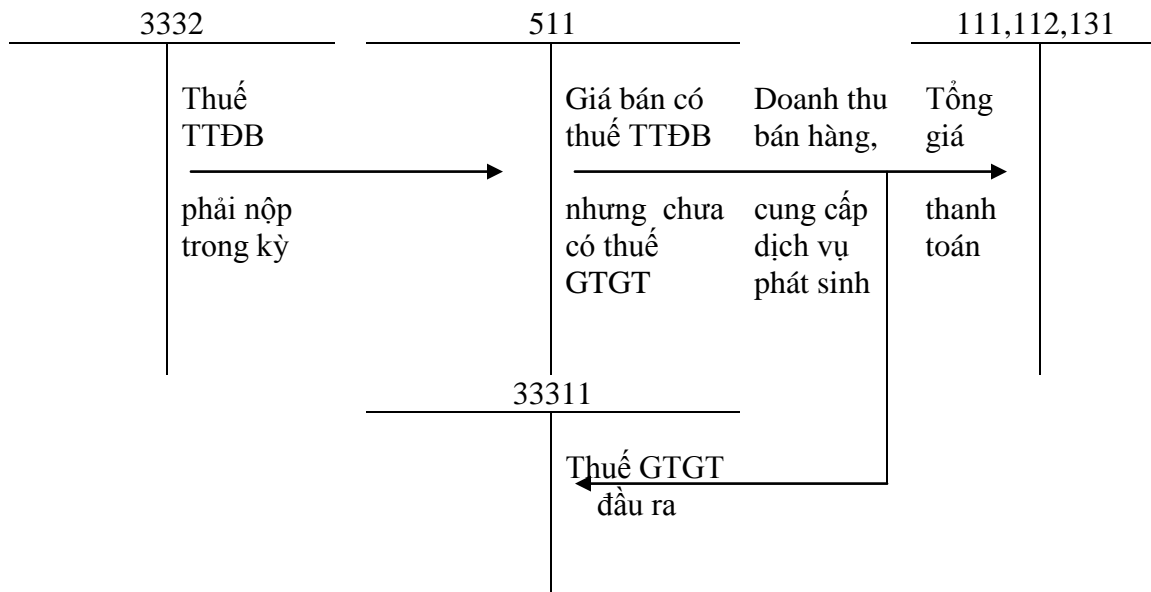
**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA**

511,515		111,112,131
Doanh thu không có thuế GTGT	→	Tổng giá thanh toán
3311		
Thuế GTGT đầu ra		
711		
Thu nhập khác không có thuế GTGT	→	

Chú ý:

- khi bán hàng hóa, dịch vụ phải sử dụng hóa đơn GTGT

KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA CỦA HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CHỊU THUẾ TTĐB Ở KHẤU SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG NƯỚC PHẢI NỘP NSNN:



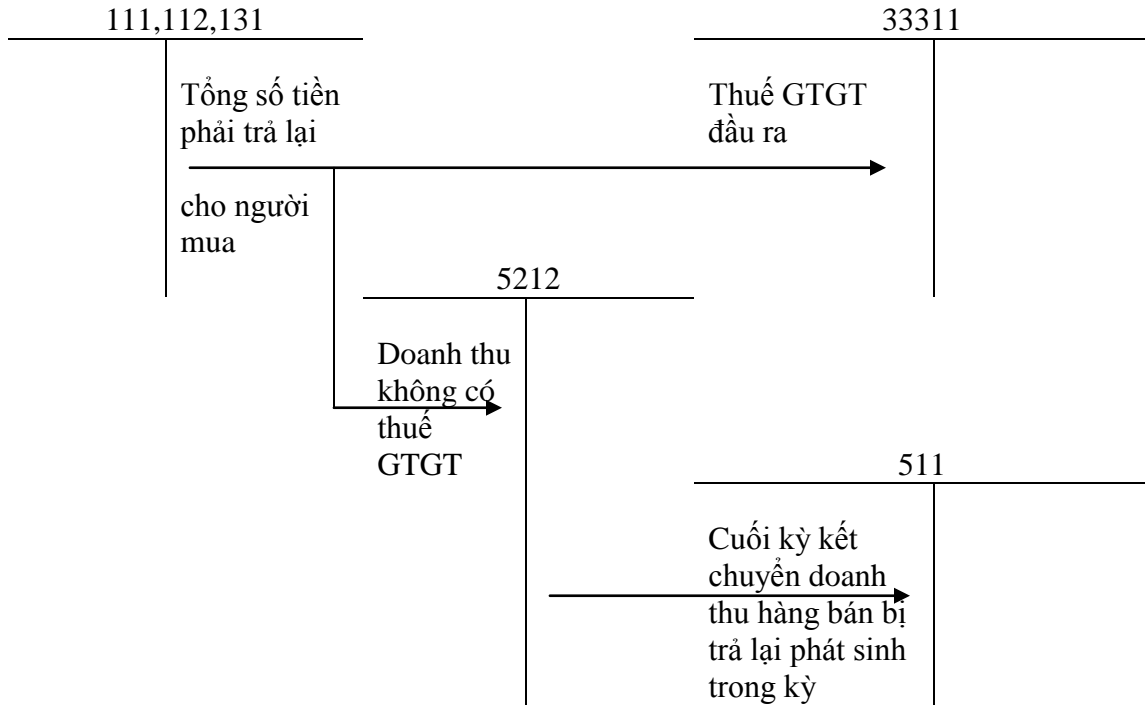
Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế TTĐB là giá bán đã có thuế TTĐB nhưng chưa có thuế GTGT.

Giá tính thuế TTĐB đối với hàng hóa sản xuất trong nước là giá bán của doanh nghiệp chưa có thuế TTĐB và chưa có thuế GTGT.

Giá TTĐB đối với dịch vụ là giá cung ứng dịch vụ của doanh nghiệp chưa có thuế TTĐB và thuế GTGT

KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



Chú ý:

Khi mua hàng hóa, người bán đã xuất hóa đơn, người mua đã nhận hàng nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hóa, khi xuất hàng trả lại cho người bán, người mua phải lập hóa đơn, trên hóa đơn hàng hóa trả lại người bán do không đúng quy cách chất lượng, tiền thuế GTGT. Hóa đơn này là căn cứ để bên bán, bên mua điều chỉnh doanh số mua, bán, số thuế GTGT đã kê khai.

Nếu người mua là đối tượng không có hóa đơn, khi trả lại hàng hóa, bên mua và bên bán phải lập biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản nêu rõ loại hàng hóa, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGT theo hóa đơn bán hàng, lý do trả hàng kèm theo hóa đơn trả cho bên bán. Biên bản này được lưu giữ cùng với hóa đơn bán hàng để làm căn cứ điều chỉnh kê khai doanh số bán, thuế GTGT của bên bán.

Nếu người mua đã xuất hàng và lập hóa đơn, người mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng hóa không đúng quy cách chất lượng yêu cầu trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa, khi trả lại hàng bên mua, bên bán

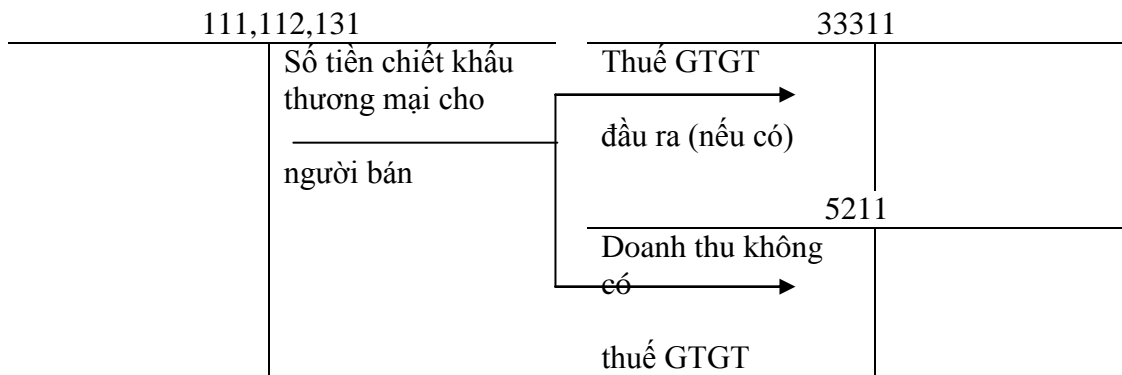


phải lập biên bản ghi rõ hàng hóa, số lượng, giá trị chưa có thuế GTGT, tiền thuế GTGT, lý do trả hàng theo hóa đơn bán hàng đồng thời kèm theo hóa đơn để gửi trả bên bán để bên bán lập lại hóa đơn GTGT cho số lượng hàng hóa đã nhận và làm căn cứ bên bán điều chỉnh doanh số và thuế GTGT đầu ra.

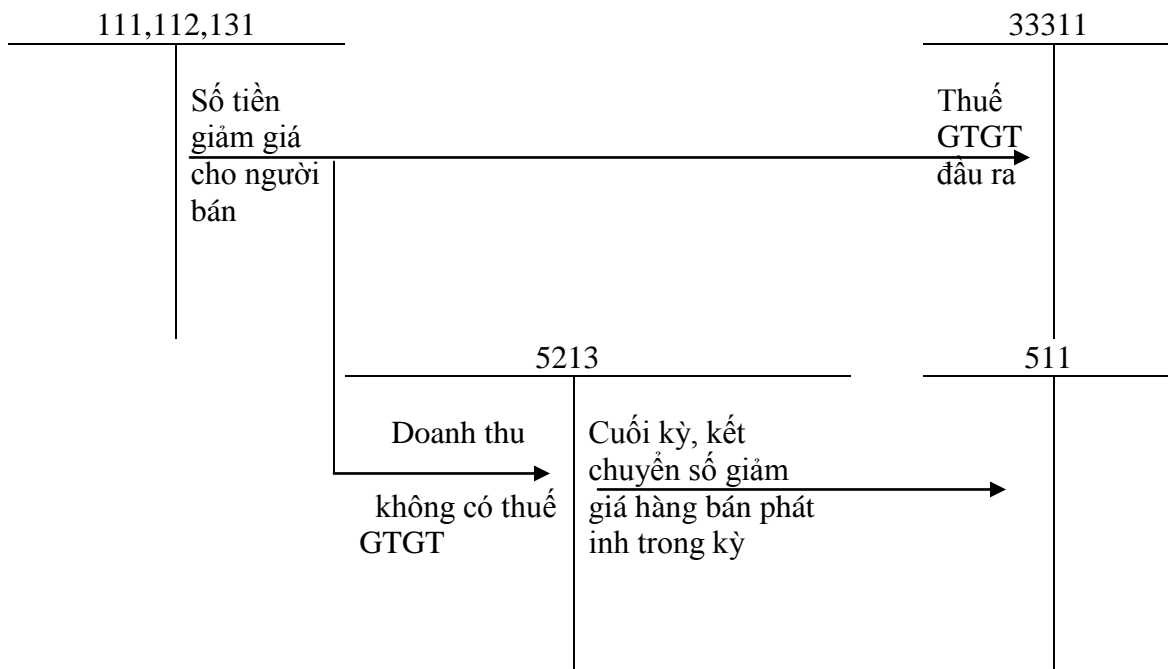
Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp, khi phát sinh hàng bán bị trả lại ghi: Nợ TK 5212/ có TK 111,112,131 (theo doanh thu bán hàng bị trả lại có cả thuế GTGT).

KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI VÀ GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

1. Chiết khấu thương mại



2. Giảm giá hàng bán



**Chú ý:**

Hàng hóa, dịch vụ có giảm giá ghi trên hóa đơn thì trên hóa đơn phải ghi rõ: tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT (giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng bán, dịch vụ thực tế đạt mức nhất định thì số tiền giảm giá của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối kỳ hoặc kỳ tiếp sau. Trên hóa đơn phải ghi rõ số hóa đơn và số tiền được giảm giá. Nếu khách hàng không tiếp tục mua hàng hóa thì cơ sở kinh doanh lập phiếu chi tiền chi khách hàng đúng quy định.

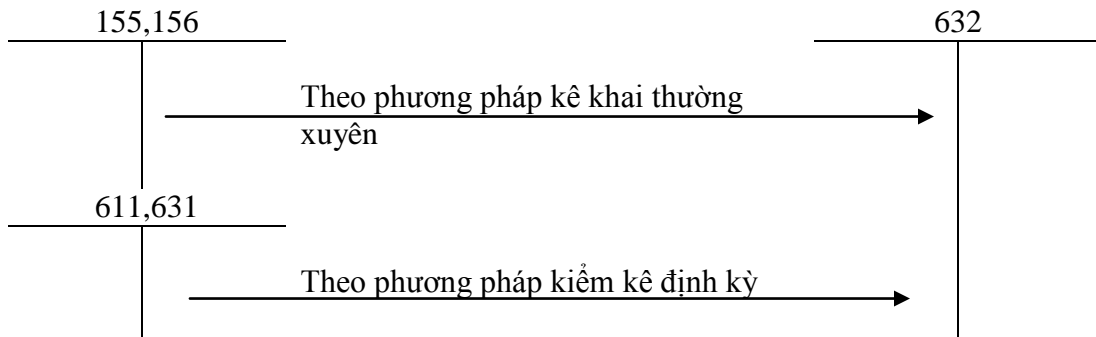
Đối với doanh nghiệp đã xuất bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và lập hóa đơn do hàng hóa và dịch vụ không đảm bảo chất lượng quy cách... phải điều chỉnh (tăng, giảm) giá bán thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hóa, mức giá tăng giảm theo hóa đơn bán hàng, lý do tăng giảm, đồng thời bên lập hóa đơn điều chỉnh mức giá được điều chỉnh.

**KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐỐI VỚI SẢN PHẨM HÀNG HÓA DÙNG ĐỂ TRAO ĐỔI**

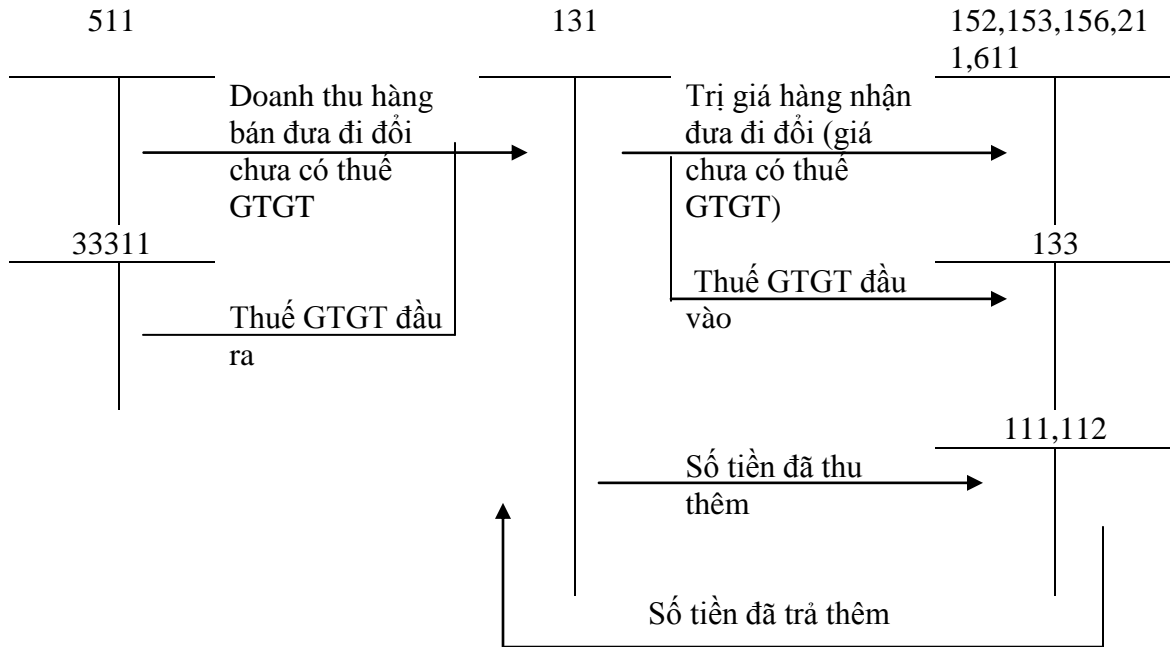
Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ

1. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ, vật tư, hàng hóa không tương tự để dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

a. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi

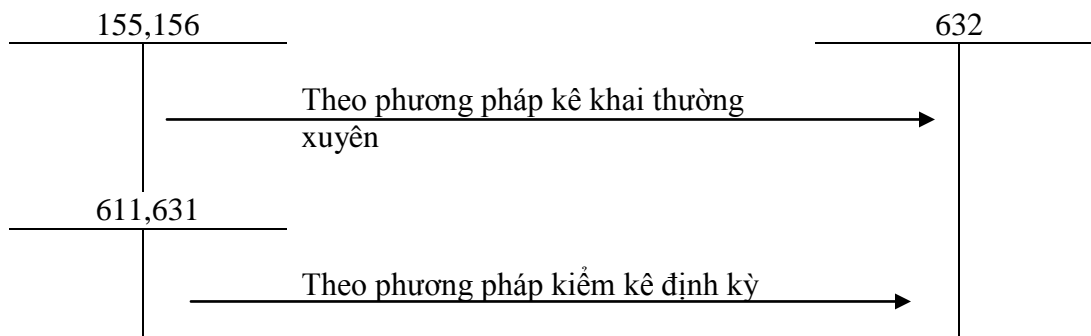


b. Đồng thời ghi

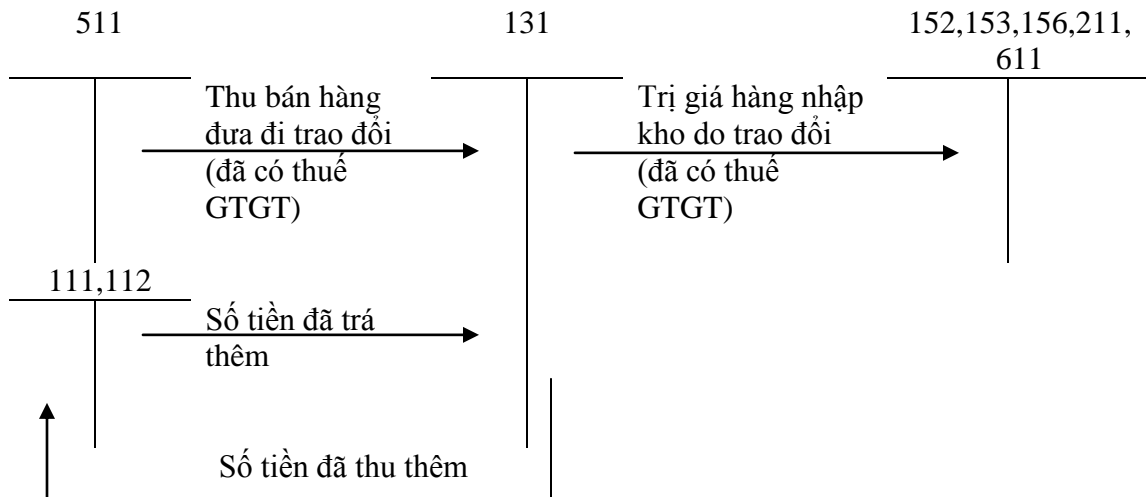


2. Trường hợp xuất thành phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT trao đổi lấy TSCĐ, vật tư, hàng hóa không tương tự để dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT

a. Trị giá hàng xuất kho đưa đi đổi



b. Đồng thời ghi:



Chú ý:

Khi xuất hàng trao đổi phải lập hóa đơn bán hàng thông thường  
 Doanh thu hàng đưa đi đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu ra: trị giá hàng  
 nhận được do trao đổi bao gồm cả thuế GTGT đầu vào.

KẾ TOÁN THUẾ GTGT DỊCH VỤ CHO THUÊ HOẠT ĐỘNG TÀI SẢN

Trường hợp cho thuê hoạt động TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình hoặc bất  
 động sản đầu tư (gọi chung là cho thuê hoạt động tài sản), thu tiền trước  
 cho thuê nhiều kỳ, doanh thu của kỳ kế toán được xác định bằng tổng số  
 tiền cho thuê hoạt động tài sản đã thu chia cho số kỳ thu tiền trước cho  
 thuê hoạt động tài sản. Trong đó, doanh thu cho thuê hoạt động TSCĐ hữu  
 hình, TSCĐ vô hình phản ánh vào bên có TK 5113 (doanh thu cung cấp  
 dịch vụ), doanh thu cho thuê hoạt động bất động sản đầu tư phản ánh vào  
 bên có TK 5118 (doanh thu khác).



511- chi tiết doanh thu nội bộ		154,642
	<p>Doanh thu bán hàng nội bộ (ghi theo chi phí sản xuất hoặc giá vốn của hàng bán tiêu dùng nội bộ)</p> <p>→</p>	
		211
	<p>Nếu dùng sản phẩm sản xuất ra làm TSCĐ</p> <p>→</p>	

**Chú ý:**

Đối với sản phẩm hàng hóa, xuất để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo để phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh nghiệp phải lập hóa đơn GTGT, trên hóa đơn GTGT ghi rõ là hàng tiêu dùng nội bộ phục vụ sản xuất kinh doanh hay khuyến mại, quảng cáo không thu tiền, doanh nghiệp dùng hóa đơn để làm chứng từ thanh toán.

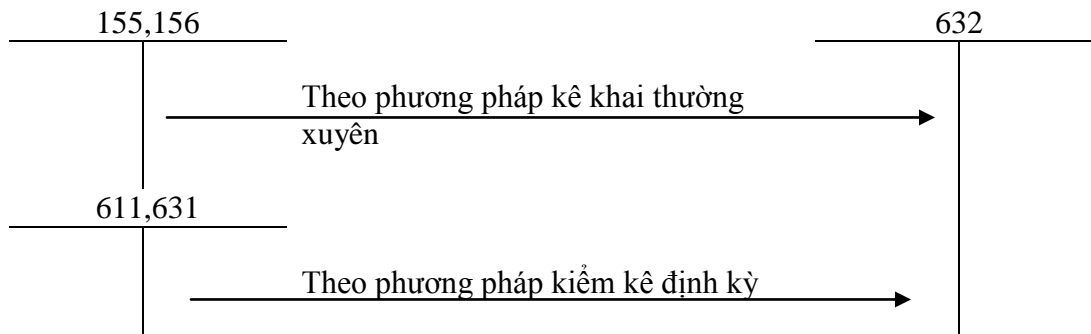
Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm doanh nghiệp làm ra dùng để trang bị thưởng cho người lao động... được xác định theo giá bán của sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trang bị hoặc thưởng cho người lao động

Đối với hàng, hóa dịch vụ do doanh nghiệp làm ra dùng để phục vụ cho quá trình SXKD

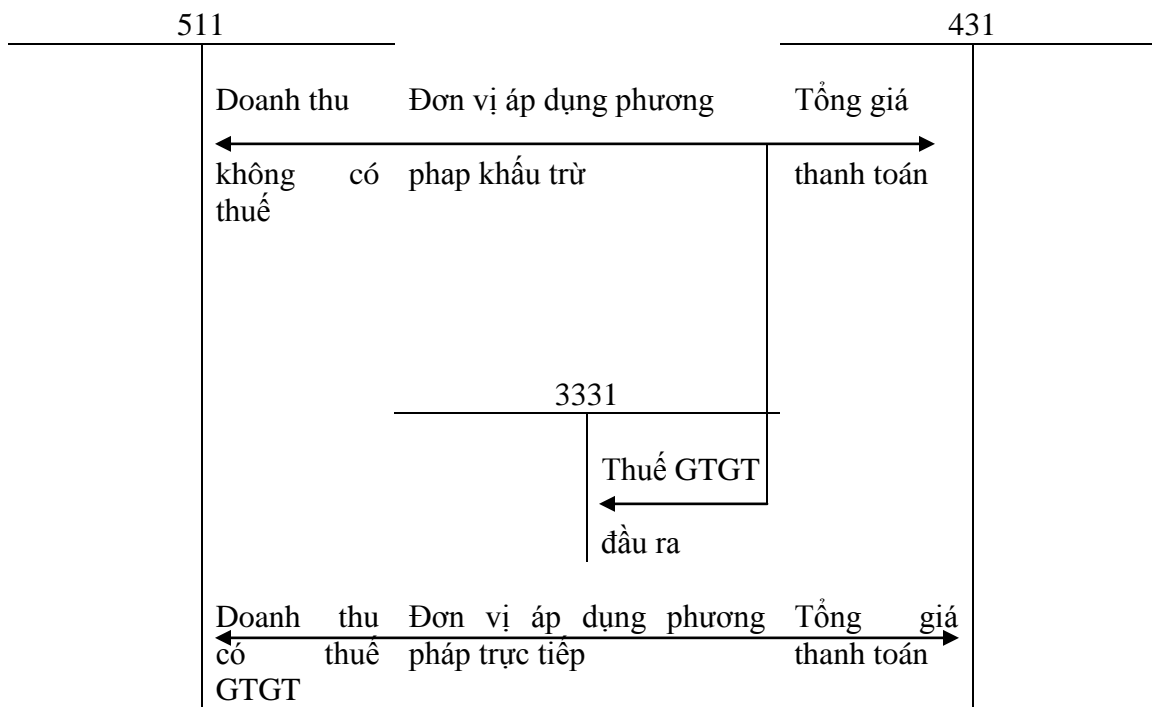
2. Trường hợp xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ được dùng để tiêu dùng nội bộ, khuyến mại, quảng cáo phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì phải tính thuế GTGT đầu ra.

a. Phản ánh giá trị hàng xuất kho để tiêu thụ nội bộ





2. Đồng thời ghi doanh thu bán hàng:



Chú ý:

Khi doanh nghiệp xuất sản phẩm, hàng hóa để biếu tặng cho đơn vị, các nhân bên ngoài bằng quỹ khen thưởng phúc lợi phải lập hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng, trên hóa đơn ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng cho khách hàng.



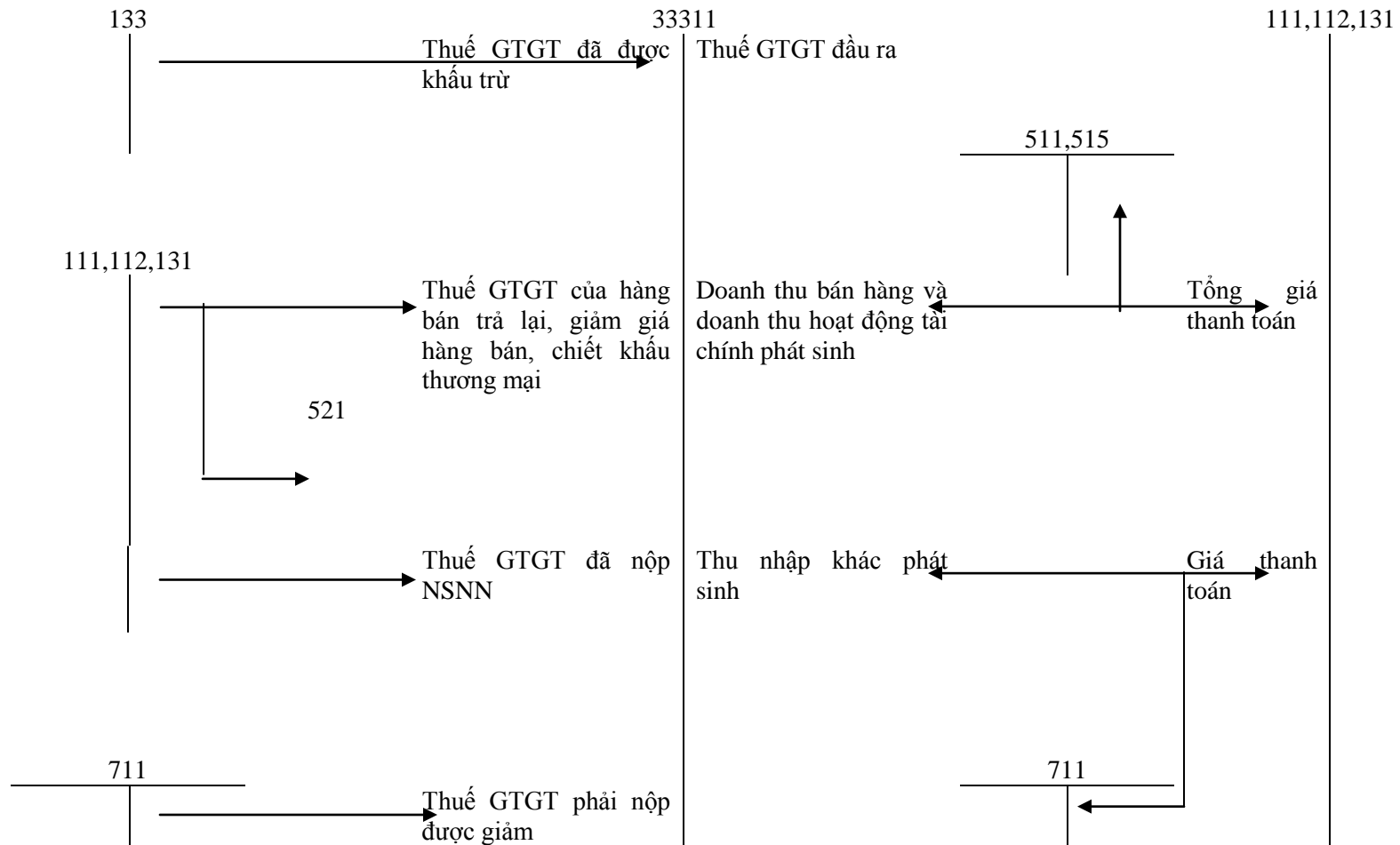


Giá tính thuế GTGT đối với sản phẩm, hàng hóa xuất để trang bị, thưởng cho người lao động được xác định theo giá tính thuế GTGT của sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh các hoạt động này.

Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế TNDN đối với sản phẩm hàng hóa xuất để trang bị, thưởng cho người lao động được xác định là tiền để bán sản phẩm, hàng hóa cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm trang bị, thưởng cho người lao động

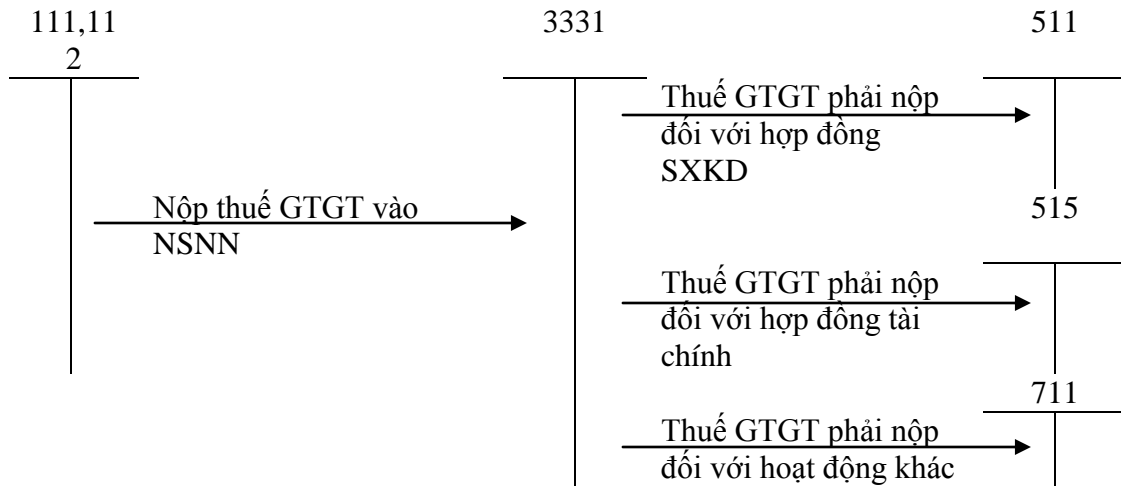
Khi xuất sản phẩm hàng hóa để trang bị, thưởng cho người lao động, đơn vị phải lập hóa đơn GTGT, hóa đơn phải ghi đầy đủ các chỉ tiêu và tính thuế GTGT như hóa đơn xuất bán hàng cho khách hàng.

KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NSNN



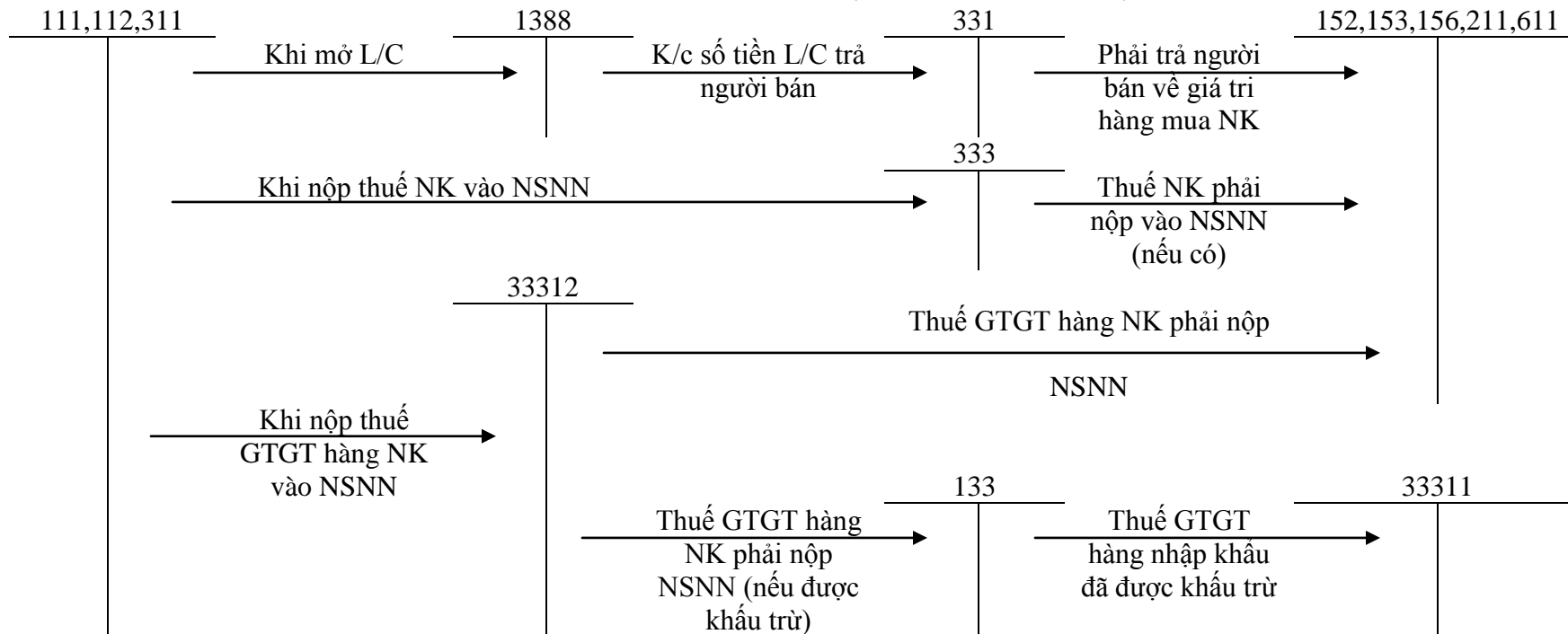
## KẾ TOÁN THUẾ GTGT PHẢI NỘP Ở DOANH NGHIỆP NỘP THUẾ GTGT TÍNH THO PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP

Các doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, cuối kỳ số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp ghi:



Chú ý: Các doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp, khi bán hàng phải lập hóa đơn bán hàng thông thường, không sử dụng TK 133 và cuối tháng mới phản ánh số thuế GTGT phải nộp.

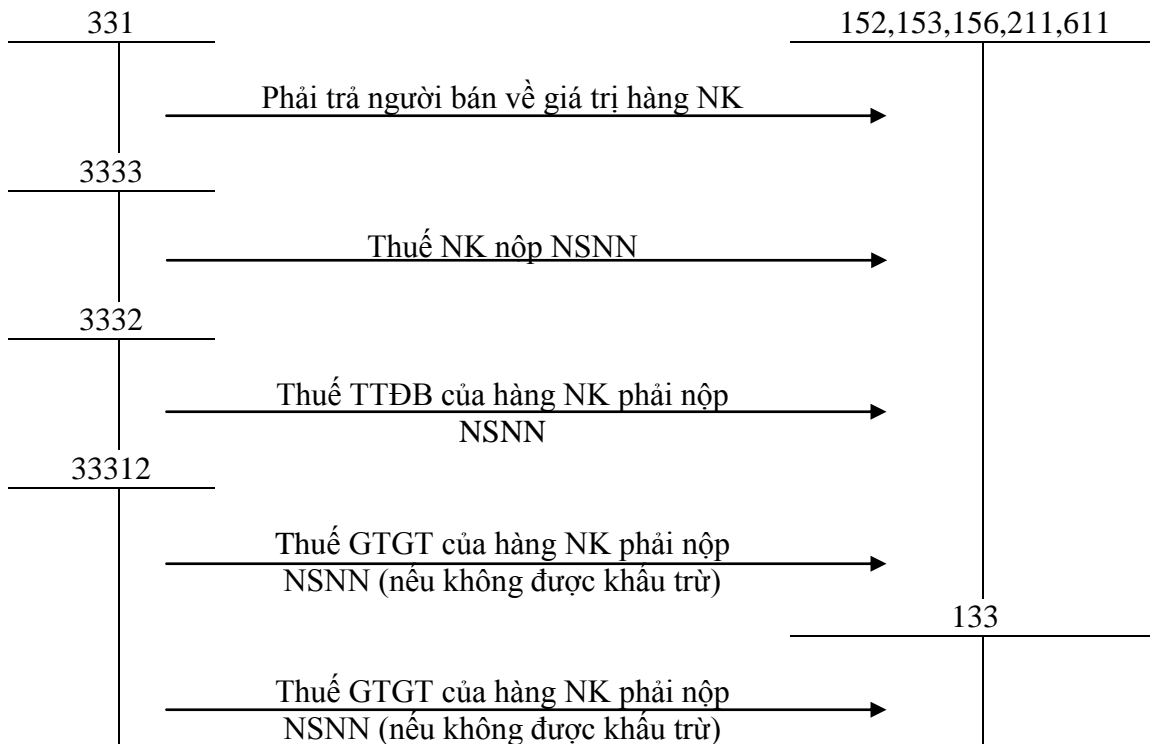
KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG NHẬP KHẨU PHẢI NỘP NSNN



Chú ý:

Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa nhập khẩu là giá NK tại cửa khẩu + Thuế NK

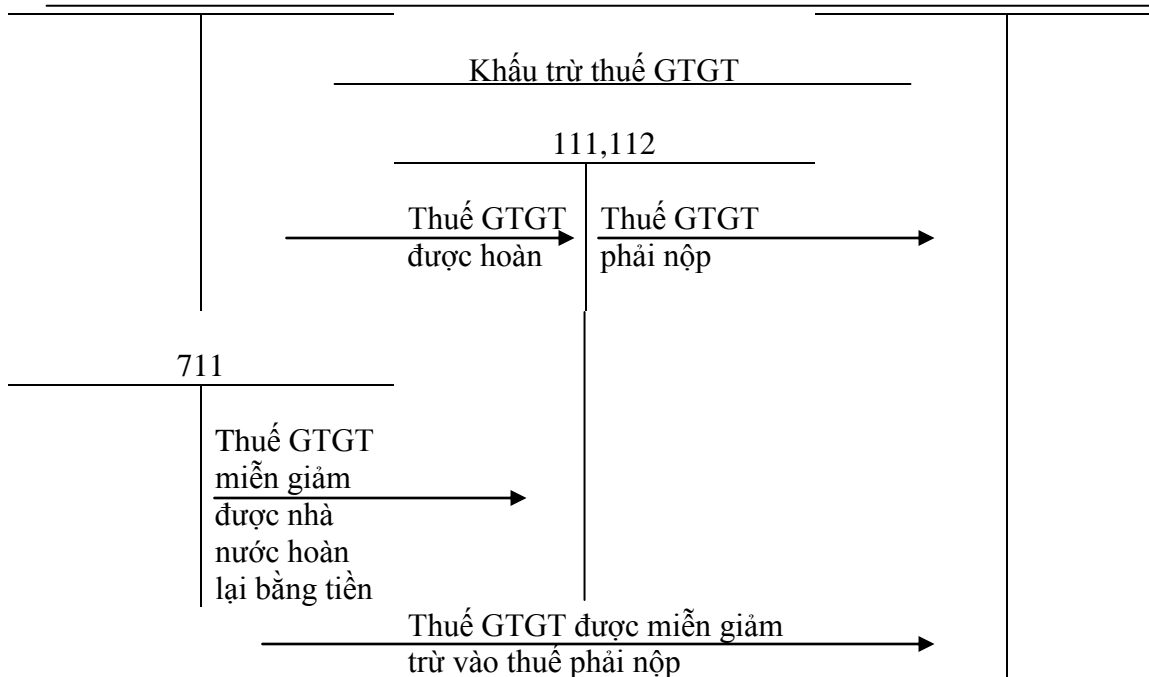
2. Đối với hàng NK thuộc đối tượng đồng thời chịu 3 loại thuế: thuế NK, thuế TTĐB, thuế GTGT



Chú ý: Giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa NK là giá NK tại cửa khẩu + Thuế NK + Thuế TTĐB  
 Trường hợp hàng hóa NK được miễn giảm thuế NK thì giá tính thuế GTGT là giá hàng hóa NK + Thuế NK xác định theo mức thuế nộp sau khi đã được miễn giảm.

1331

3331



## PHẦN II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH TM VT Đức Thịnh

### I. Khái quát về Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh

*Tên doanh nghiệp* : Công ty TNHH TMVT Đức Thịnh

*Loại hình doanh nghiệp* : Công ty TNHH

*Năm thành lập* : 1996

*Địa chỉ* : Số 3B Trần Khánh Du – Ngô Quyền – Hải Phòng

*Mã số thuế* : 0200244821

*Tài khoản* : 10201.0000.215.538

*Ngành, nghề kinh doanh* :

-Buôn bán và đại lý mua bán hàng vật tư , thiết bị ,phụ tùng,ô tô, xe máy, máy thủy,kim khí điện máy,điện lạnh, hàng gia dụng, sắt thép phế liệu, điện tử, bông vải sợi, may mặc.

- Dịch vụ chất đốt, dầu, mỡ, dầu phế thải.
- Dịch vụ vận tải hàng hóa thủy – bộ , sửa chữa cơ khí.
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống, dịch vụ vui chơi giải trí, dịch vụ văn phòng.
- Kinh doanh thiết bị phụ tùng các loại.

### **1.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển.**

Năm 1996, với sự tham gia đóng góp vốn của 3 thành viên , Công ty Đức Thịnh đã được xây dựng và thành lập trong đó thành viên lớn nhất là ông Phạm Văn Định – nguyên là Giám đốc công ty TNHH TMVT Đức Thịnh.

Với tổng vốn điều lệ là 830.000.000 đồng , Đức Thịnh đã tiến hành hoạt động kinh doanh và đạt được những thành công nhất định trong lĩnh vực kinh doanh

<b>Số TT</b>	<b>Tên thành viên</b>	<b>Vốn góp</b>
1	Phạm Văn Định	330.000.000
2	Trần Thị Hải	260.000.000



3	Phạm Văn Hiền	240.000.000
---	---------------	-------------

### ***1.1.2 Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh***

Theo giấy phép kinh doanh số 052256, công ty Đức Thịnh được tiến hành kinh doanh các loại máy và thiết bị phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh

### ***1.1.3 Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đã đạt được***

#### ***➤ Thuận lợi:***

Mặc dù mới thành lập và đi vào sản xuất kinh doanh không lâu song công ty đã tạo cho mình một chỗ đứng vững mạnh trong hoạt động sản xuất kinh doanh cả về quy mô và mặt hàng, có được thành công ấy là nhờ sự đóng góp to lớn của các cổ đông nói chung và sự quản lý tài năng của Giám đốc Phạm Văn Định nói riêng, cùng với đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm thực tiễn, tinh thần làm việc nghiêm túc hiệu quả, máy móc thiết bị được trang bị đầy đủ phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Trong quá trình phát triển công ty không những khẳng định được sự tồn tại của mình trong cơ chế thị trường mà đã và đang có những chiến lược để phát triển vững chắc trên mọi hoạt động của công ty. Công ty đã gây dựng được chữ tín với khách hàng không chỉ trong địa bàn Hải Phòng mà cả khách hàng địa bàn khác trong nước.

#### ***➤ Khó khăn:***

Bên cạnh những thuận lợi kể trên thì công ty cũng có không ít khó khăn trong quá trình hoạt động, nhất là trong cơ chế thị trường, nền kinh tế hội nhập có nhiều đối thủ cạnh tranh đòi hỏi công ty phải ngày càng nâng cao chất lượng để tìm kiếm các hợp đồng kinh tế.

Ngoài ra do ảnh hưởng của việc khủng hoảng kinh tế Thế giới, giá cả leo thang, Việt Nam cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó chính vì vậy làm cho chi phí sản xuất ngày càng tăng gây không ít khó khăn cho công ty trong vấn đề cạnh tranh với công ty bạn.

➤ **Thành tích đạt được trong những năm qua:**

Công ty Đức Thịnh đã đạt được những thành tích nhất định trong những năm qua, từ một doanh nghiệp nhỏ với số vốn đầu tư không nhiều, công ty đã mở rộng quy mô và đầu tư đầy đủ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, khẳng định được vị thế của mình trong thị trường, tạo lòng tin với các khách hàng trên mọi miền đất nước với chữ Tín đặt lên hàng đầu.

Trong những năm gần đây, công ty đã phát triển thêm các mặt hàng kinh doanh cả về chất lượng và số lượng được bạn hàng đánh giá cao, chính vì vậy hiệu quả kinh doanh của công ty đạt được thành công nhất định, doanh thu năm sau luôn cao hơn năm trước.

Số TT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu	10.703.749.905	14.809.530.124
2	Giá vốn hàng bán	10.117.588.043	14.066.652.467
3	Lợi nhuận gộp	586.161.862	742.877.657
4	Chi phí bán hàng	529.879.758	703.829.219
5	Lợi nhuận thuần	56.282.104	39.048.438
6	Lợi nhuận khác	(32.291.388)	1.921.457
7	$\Sigma$ LN trước thuế	23.990.716	40.969.895
8	T TNDN hiện hành	5.998.000	10.242.500
9	Lợi nhuận sau thuế	17.992.716	30.727.395

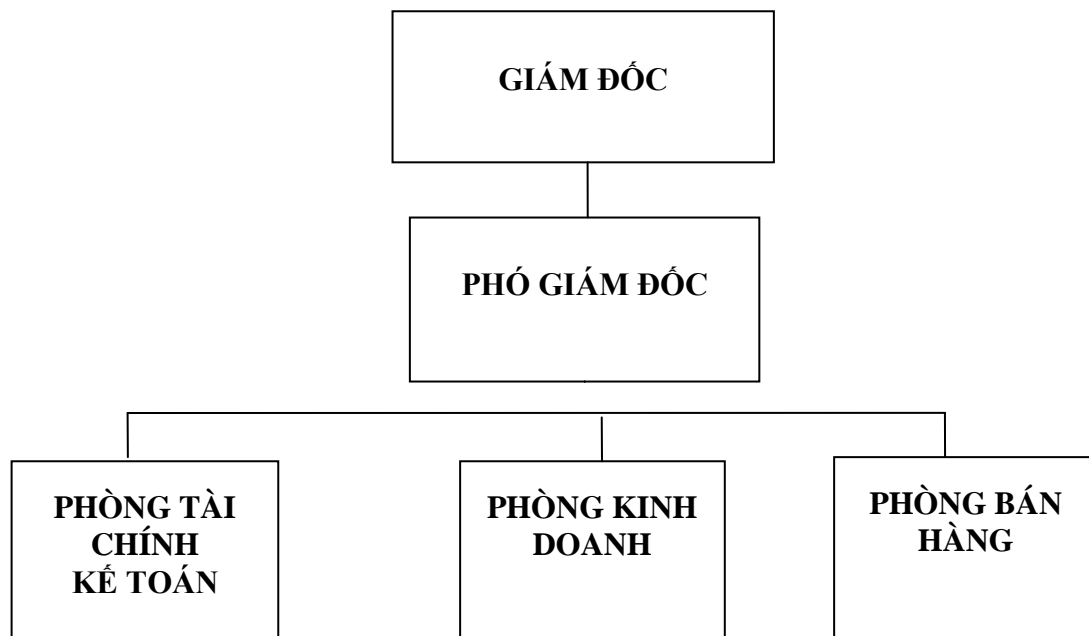
( Nguồn tài liệu : Trích báo cáo tài chính công ty Đức Thịnh năm 2010)

Từ bảng trên ta có thể thấy kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong 2 năm 2009 – 2010 đã có những bước tiến đáng kể. Do công ty đã vạch ra chiến lược phù hợp, thu hút nhiều bạn hàng mới và tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với

khách hàng quen , đó là thành quả lao động có được nhờ sự cố gắng tuyệt vời và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ , nhân viên công ty .

**1.1.4 Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:**

Công ty TNHH Thương Mại Vật Tư Đức Thịnh là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có tài khoản và có con dấu riêng, hoạt động có quy mô vừa phải, tiến hành tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung



**Bảng biểu 1.1 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý**

➤ **Giám đốc:**

- Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo chung đối với công ty về các vấn đề như :Công tác kế hoạch, liên kết kinh tế, kế hoạch tổ chức cán bộ, báo cáo công tác với Hội đồng quản trị...

- Chịu trách nhiệm trước các thành viên của công ty

➤ **Phó giám đốc:**

- Phụ trách trực tiếp các hoạt động của công ty, quản lý các phòng ban trong công ty.

- Phó giám đốc chịu trách nhiệm trước giám đốc và pháp luật khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Phó giám đốc được quyền chủ động điều hành công việc theo đúng chủ trương của lãnh đạo.

#### ➤ **Phòng kế toán:**

- Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của công ty và các nhiệm vụ quyền hạn theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, theo dõi chặt chẽ chính xác vốn và nguồn vốn của công ty, theo dõi công nợ và thường xuyên đôn đốc để thanh toán công nợ.

- Thanh quyết toán hợp đồng kinh tế.

- Phân tích hoạt động kinh tế mỗi năm 1 lần trước Ban giám đốc .

#### ➤ **Phòng kinh doanh**

- Làm việc với khách hàng về kế hoạch sản xuất, kế hoạch giao hàng và hiệp thương với khách hàng khi có sự cố xảy ra liên quan đến tiến độ giao hàng.

## 1.2 Đặc điểm tổ chức kế toán của công ty.

### *1.2.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty.*

Kế toán của công ty gồm :1 kế toán

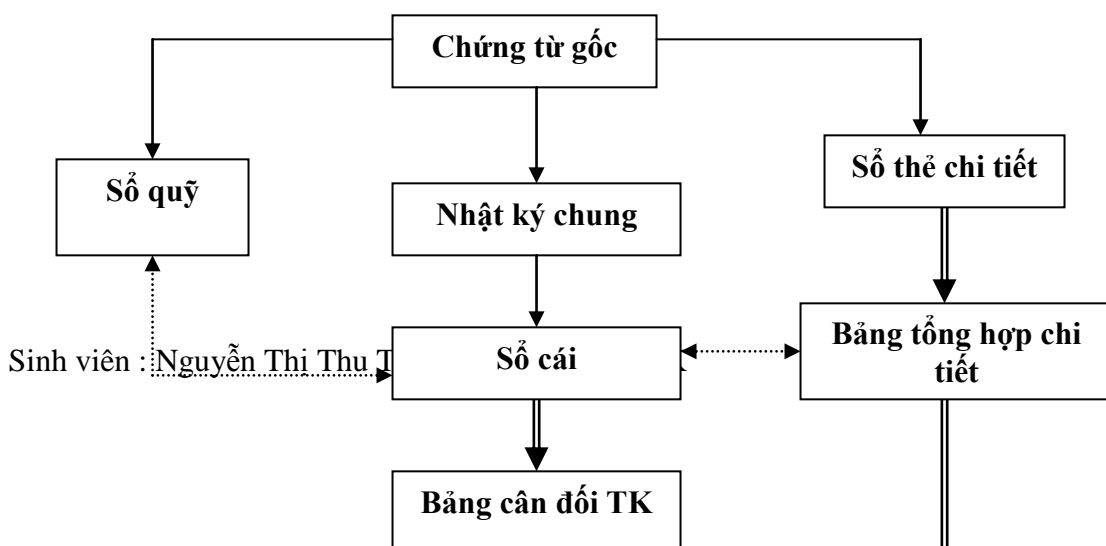
Chịu trách nhiệm trước giám đốc về tình hình hạch toán kế toán và tình hình tài chính của Công ty, theo dõi vốn và nguồn vốn của công ty, định khoản kế toán, vào sổ cái, làm báo cáo kế toán , theo dõi hợp đồng và thanh lý các hợp đồng, theo dõi lượng hàng tồn kho , viết phiếu nhập xuất , lập bảng thanh toán lương hàng tháng đảm bảo sự chính xác và độ tin cậy cao ,căn cứ vào các chứng từ thanh toán như các hoá đơn của người bán phiếu tạm dừng.....để hợp lý thu chi và thanh toán các khoản công nợ với khách hàng bằng tiền mặt và tiền gửi ở ngân hàng, theo dõi sự lưu thông hàng hoá

### **2.1.2.2. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty TNHH TM VT Đức Thịnh.**

Đề phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, Công ty áp dụng hình thức kế toán “Nhật ký chung”

- Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến 31/12
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: đồng Việt Nam
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ/BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Theo hình thức sổ Nhật ký chung.
- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Theo giá gốc được quy định cụ thể cho từng loại vật tư, hàng hóa.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.
- Tính khấu hao tài sản cố định theo phương pháp khấu hao đều.
- Tính giá thành sản phẩm theo phương pháp giản đơn.
- Phương pháp tính thuế: Phương pháp khấu trừ.
- Hệ thống sổ sách mà Công ty đang sử dụng bao gồm:
  - + Sổ Nhật ký chung
  - + Sổ cái các tài khoản
  - + Các sổ kế toán chi tiết
- Trình tự ghi sổ kế toán:

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Toàn bộ quá trình kế toán của Công ty được minh họa theo sơ đồ sau:



Ghi chú:       $\longrightarrow$       Ghi hàng ngày  
                  $\Longrightarrow$       Ghi định kỳ (cuối tháng, cuối quý)  
                  $\longleftrightarrow$       Đối chiếu

Hàng ngày khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán vào các Nhật ký chuyên dùng, đồng thời vào sổ quỹ và các sổ thẻ chi tiết, rồi từ các Nhật ký chuyên dùng vào Nhật ký chung và từ Nhật ký chung vào sổ cái. Cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu từ các sổ thẻ chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết rồi đối chiếu với sổ cái, từ sổ cái tổng hợp số liệu lên bảng cân đối tài sản, cuối cùng từ bảng cân đối tài sản để lập báo cáo kế toán với hình thức Nhật ký chung. Nhờ đó đảm bảo cung cấp số liệu chính xác, đầy đủ, phục vụ cho yêu cầu quản lý.

- Chứng từ kế toán.

Hiện nay, Công ty sử dụng hầu hết các chứng từ trong hệ thống chứng từ kế toán do Bộ tài chính ban hành, có thể chia thành các loại chứng từ như sau:

Loại 1: Chứng từ về lao động tiền lương: bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương, Giấy chứng nhận hưởng BHXH, danh sách người lao động hưởng trợ cấp BHXH.

Loại 2: Chứng từ về hàng tồn kho: Phiếu nhập kho, Phiếu xuất kho, Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ, biên bản kiểm nghiệm, Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ, biên bản kiểm nghiệm vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Loại 3: Chứng từ về bán hàng: Hóa đơn giá trị gia tăng, Hóa đơn thu mua hàng...

Loại 4: Chứng từ về tiền tệ: Phiếu thu, Phiếu chi, Giấy đề nghị tạm ứng, Giấy thanh toán tiền tạm ứng, Biên lai thu tiền, Biên bản kiểm kê quỹ.

Loại 5: Chứng từ về tài sản cố định: Biên bản giao nhận, Biên bản thanh lý TSCĐ, Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành, Biên bản đánh giá lại TSCĐ.

- Tổ chức báo cáo kế toán của Công ty:

Trong niên độ kế toán của Công ty sử dụng các báo cáo kế toán sau:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01- DN)
- Báo cáo kết quả HĐKD (mẫu số B02-DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

2.2. Thực trạng tình hình thực hiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh.

2.2.1. Các mức thuế suất được áp dụng:

Mức thuế suất 10%:

Đây là mức thuế suất được áp dụng chủ yếu với các mặt hàng của Công ty

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào: rượu Voka, gas nấu, bia nước ngọt, xúc xích, phụ tùng, dầu ăn, cước điện thoại .....
- Đối với hàng hóa dịch vụ bán ra: Ăn uống tiếp khách, phụ tùng, máy phát điện, cước vận chuyển.....

Mức thuế suất 5% :

Đây là mức thuế suất được áp dụng chủ yếu với các mặt hàng :

- Đối với hàng hóa dịch vụ mua vào : Hải sản, gà đông lạnh....

2.2.2. Phương pháp tính thuế.

Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh áp dụng tính thuế theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ hóa đơn chứng từ theo quy định của nhà nước.

- Hóa đơn GTGT mẫu số 01 GTKT.

Gồm 3 liên: Liên 1: Lưu

Liên 2: Giao cho khách hàng

Liên 3: Dùng thanh toán

- Tờ khai thuế GTGT mẫu số 01 GTGT.
- Bảng kê hóa đơn chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào và bán ra theo mẫu quy định của Bộ tài chính và các hóa đơn đặc thù khác.
- Số thuế GTGT phải nộp hàng kỳ của công ty được xác định theo công thức:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{Số thuế GTGT đầu ra} - \text{Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

- a) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng.  
Thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó.
- b) Thuế GTGT đầu vào bằng (=) tổng số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT mua hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

**2.2.3. Tài khoản sử dụng và sơ đồ hạch toán thuế GTGT tại công ty.**

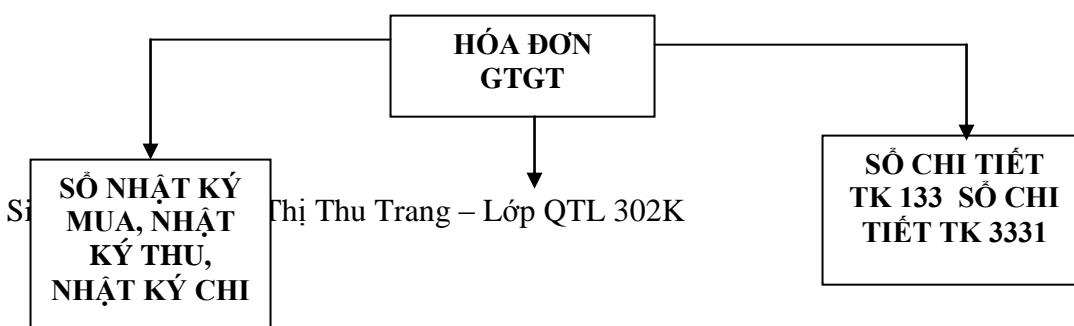
Để hạch toán thuế GTGT công ty sử dụng tài khoản 133 và tài khoản 3331

- TK 133: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ  
TK 1331: Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hóa, dịch vụ
- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng  
TK 33311: Thuế giá trị gia tăng đầu ra

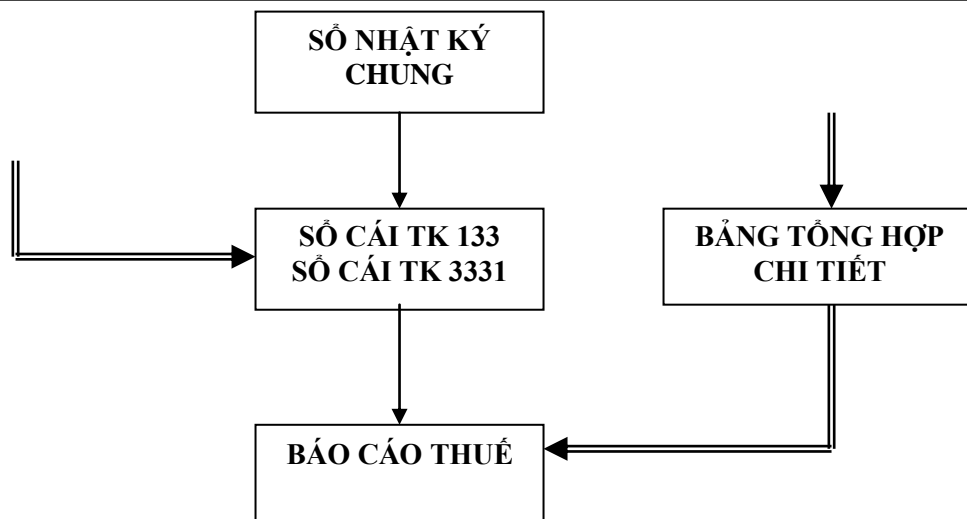
Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ Nhật ký chung.
- Sổ cái tài khoản: 133, 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản: 133, 3331
- Sơ đồ hạch toán:

Quy trình ghi sổ kế toán được khái quát theo sơ đồ sau:







- Ghi chú:
- > Ghi hàng ngày
  - =====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
  - - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Số liệu để ghi vào sổ chi tiết tài khoản 133 và sổ chi tiết tài khoản 3331 là hóa đơn GTGT hoặc bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc bán ra. Hàng ngày tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký chung căn cứ vào chứng từ gốc, đồng thời từ các chứng từ gốc, howcj sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ chi tiết TK 133 và 3331.

#### 2.2.4. Kế toán thuế GTGT đầu vào.

Tài khoản sử dụng: TK 133 “Thuế GTGT được khấu trừ”

TK này sử dụng cho những đối tượng khấu trừ thuế, thuộc nhóm TK phải thu.

TK 133 có 2 TK cấp 2:

TK 1331 “Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ”

TK 1332 “Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ”

➔ Một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu vào gồm:

- Hóa đơn GTGT do người bán cấp khi mua nguyên vật liệu nhập kho.

- Hóa đơn GTGT do người cung cấp dịch vụ vận chuyển giao khi thuê vận chuyển.
- Hóa đơn dịch vụ viễn thông.
- Hóa đơn tiền điện.
- Hóa đơn GTGT và mẫu hóa đơn.

\* Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu:

- Ngày 15/11/2010: hóa đơn GTGT số 0013669, mua phụ tùng của công ty TNHH TM DVụ Trung Kinh, số tiền là 399.615.000 chưa bao gồm thuế VAT 10%, đã trả bằng TGNH.
- 
- Ngày 17/11/2010, theo hóa đơn GTGT số 0061185, công ty TNHH TM VT Đức Thịnh mua nước khoáng của công ty TNHH TM Tiền Hải. Số tiền thanh toán là 7.920.000 đã bao gồm thuế VAT 10%, đã trả bằng tiền mặt.
- 
- Ngày 24/11/2010, theo hóa đơn GTGT số 0025952, mua vòng bi của công ty CPXNK máy & phụ tùng, số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế VAT 10% là 16.328.990, đã trả bằng tiền mặt.

- Ngày 26/11/2010, theo hóa đơn GTGT số 0096063, công ty mua dầu ăn của cty CP thương mại Hải Việt với số tiền đã bao gồm thuế VAT 10% là 16.713.400, đã trả bằng tiền mặt.
  
- Ngày 30/11/2010, theo hóa đơn GTGT số 0005616, công ty mua dầu thải của Cty CP Đầu Tư phát triển Thanh Chương. Số tiền thanh toán chưa bao gồm thuế VAT 10% là 10.200.000, đã trả bằng tiền mặt.

<b>HOÁ ĐƠN</b>			Mẫu số:01 GTKT -3LL															
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>			QV/2009B															
Liên 2 Giao người mua			0013669															
Ngày 15 tháng 11 năm 2010																		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM DV Trung Kinh .....																		
Địa chỉ: Số 164 Hoàng Văn Thụ - Hải Phòng.....																		
Số tài khoản:.....																		
Điện thoại: .....				MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>2</td><td>9</td><td>7</td><td>4</td><td>8</td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>		0	2	0	0	1	2	9	7	4	8			
0	2	0	0	1	2	9	7	4	8									
Họ tên người mua hàng:.....																		
Tên đơn vị: Công ty TNHH TMVT Đức Thịnh.....																		
Số tài khoản: .....																		
Hình thức thanh toán:.....CK.....				MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>4</td><td>8</td><td>2</td><td>1</td><td> </td><td> </td><td> </td></tr></table>		0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
0	2	0	0	2	4	4	8	2	1									
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
1	2	3	4	5	6													

1	Phụ tùng	lô	01		399.615.000
<b>Cộng tiền hàng :</b>					<b>399.615.000</b>
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			39.961.500
<b>Tổng cộng tiền thanh toán :</b>					<b>439.576.500</b>
Số tiền viết bằng chữ..... <i>Bốn trăm ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng chẵn....</i>					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT - 3LL													
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		QV/2009B													
Liên 2 Giao người mua		0061185													
Ngày 17 tháng 11 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM Tiên Hải .....															
Địa chỉ: Số 56 Nguyễn Văn Linh - Hải Phòng .....															
Số tài khoản: .....															
Điện thoại: .....	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">5</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">7</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>	0	2	0	0	7	2	5	0	7	4			
0	2	0	0	7	2	5	0	7	4						
Họ tên người mua hàng: .....															
Tên đơn vị: Công ty TNHH TMVT Đức Thịnh .....															
Số tài khoản: .....															
Hình thức thanh toán: ..... TM .....	MS:	<table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">0</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">4</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">8</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">2</td> <td style="width: 20px; text-align: center;">1</td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> <td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>	0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
0	2	0	0	2	4	4	8	2	1						

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Nước khoáng	thùng	50		7.200.000
Cộng tiền hàng :					<b>7.200.000</b>
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :		<b>720.000</b>	
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>7.920.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: ..... <i>Bảy triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng chẵn</i> .....					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số:01 GTKT -3LL													
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		ME/2010B													
Liên 2 Giao người mua		0025952													
Ngày 24 tháng 11 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Công ty CPXNK máy & phụ tùng .....															
Địa chỉ: Số 96 Điện Biên Phủ - Hải Phòng.....															
Số tài khoản:.....															
Điện thoại: .....		MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr> <td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>7</td><td>2</td><td>7</td><td>5</td> </tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle; margin-left: 10px;"> <tr> <td> </td><td> </td><td> </td> </tr> </table>	0	1	0	0	1	0	7	2	7	5			
0	1	0	0	1	0	7	2	7	5						

Họ tên người mua hàng:.....  
 Tên đơn vị: Công ty TNHH TMVT Đức Thịnh.....  
 Số tài khoản: .....  
 Hình thức thanh toán:.....TM..... MS: 

0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Vòng bi	lô	01		16.328.990

**Cộng tiền hàng : 16.328.990**

Thuế suất GTGT : 10%      Tiền thuế GTGT : **1.632.899**

**Tổng cộng tiền thanh toán : 17.961.889**

Số tiền viết bằng chữ: .....*Mười bảy triệu chín trăm sáu mươi một ngàn tám trăm tám mươi chín đồng chẵn*.....

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

<p><b>HOÁ ĐƠN</b>  <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                  Liên 2 Giao người mua                  Ngày 26 tháng 11 năm 2010</p>	<p>Mẫu số:01 GTKT -3LL                  PQ/2010B                  0096063</p>
--	---

Đơn vị bán hàng: Công ty CP thương mại Hải Việt .....  
 Địa chỉ: Số 105 Nguyễn Đức Cảnh - Hải Phòng .....  
 Số tài khoản: .....  
 Điện thoại: ..... MS: 

0	2	0	0	5	9	6	4	1	4			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Họ tên người mua hàng: .....  
 Tên đơn vị: Công ty TNHH TMVT Đức Thịnh .....  
 Số tài khoản: .....  
 Hình thức thanh toán: ..... TM ..... MS: 

0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Dầu ăn	thùng	05		15.194.000

Cộng tiền hàng : **15.194.000**

Thuế suất GTGT : 10%      Tiền thuế GTGT : **1.519.400**

Tổng cộng tiền thanh toán : **16.713.400**

Số tiền viết bằng chữ: .....*Mười sáu triệu bảy trăm mười ba ngàn bốn trăm đồng chẵn*.....

**Người mua hàng**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
**Người bán hàng**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*
**Thủ trưởng đơn vị**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
 Liên 2 Giao người mua

Mẫu số: 01 GTKT - 3LL  
 QH/2010B  
 0005616

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Đ tư phát triển Thanh Chương.....  
 Địa chỉ: Số 201 Nguyễn Bình Khiêm - Hải Phòng.....  
 Số tài khoản:.....  
 Điện thoại: ..... MS: 

0	2	0	0	6	3	8	0	7	9			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Họ tên người mua hàng:.....  
 Tên đơn vị: Công ty TNHH TMVT Đức Thịnh.....  
 Số tài khoản: .....  
 Hình thức thanh toán:..... TM..... MS: 

0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Dầu thái	Cái	05		10.200.000

Cộng tiền hàng		<b>10.200.000</b>
Thuế suất GTGT : 10%	Tiền thuế GTGT :	<b>1.020.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán :		<b>11.220.000</b>

Số tiền viết bằng chữ: .....*Mười một triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*.....

**Người mua hàng** (Ký, ghi rõ họ tên)                      **Người bán hàng** (Ký, ghi rõ họ tên)                      **Thủ trưởng đơn vị** (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



CÔNG TY TNHH TM VT Đức Thịnh Số 35 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng	Mẫu số S03a - DN (Ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)
---	---

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Tháng 11/2010**

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
03/11	HĐ 0080564	03/11	Bán phụ tùng cho cty TNHH TM Tuấn Linh	111	14.154.600	
				511		12.886.000
			VAT 10%	3331		1.288.600
11/11	HĐ 469338	11/11	Chi cước điện thoại	642	139.955	
				133	13.996	
				111		153.951
15/11	HĐ 0013669	15/11	Mua phụ tùng của cty TNHH TM DV Trung Kinh	156	399.615.000	
				133	39.961.500	
			VAT 10%	112		439.576.500
22/11	HĐ 0080579	22/11	Bán phụ tùng cho cty Minh Khai	112	580.893.500	
				511		528.085.000
			VAT 10%	3331		52.808.50
...	...	...	...	...	...	...
26/11	HĐ 0096063	26/11	Mua dầu ăn của cty TNHH CP TM Hải Việt	156	15.194.000	
				133	1.519.400	
			VAT 10%	111		16.713.400
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng cộng tháng 2</b>		<b>4.512.635.978</b>	<b>4.512.635.978</b>

<b>Người lập biểu</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Giám đốc</b>
-----------------------	-----------------------	-----------------

(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)
---------------------	---------------------	---------------------

**Sổ chi tiết tài khoản**  
**Tài khoản: 133 – Thuế GTGT được khấu trừ**  
**Từ ngày: 1/11/2010 đến 30/11/2010**

**Số dư đầu kỳ: 0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
06/11	NS/2010B 0027867	Cty Cp thiết bị phụ tùng Thăng Long	Mua lốp ô tô	1111	1.800.000	
12/11	NB/2010B 0093549	CTy CP Long Đức	Mua bia nước ngọt	1111	1.797.200	
15/11	ME/2010B 0053209	CTy TNHH Văn Thìn	Mua bếp ga	1111	1.740.000	
17/11	AC/2010T 052641	Buru điện HP	Trả tiền cước điện thoại	1111	116.379	
24/11	QS/2010B 0025952	CTy CP XNK máy & phụ tùng	Mua vòng bi	1111	1.632.899	
26/11	PQ/2010B 0096063	CTy CP thương mại Hải Việt	Dầu ăn	1111	1.519.400	
30/11	QH/2010B 0005616	Cty CP ĐTư phát triển Thanh Chương	Mua dầu thải	1111	1.020.000	
.....	.....	.....	.....	...	....	
		<b>Cộng đối ứng TK 1111</b>			<b>73.454.855</b>	
15/11	NB/2010B 0013669	Cty TNHH TM DV Trung Kinh	Mua phụ tùng	1121	39.961.500	
		<b>Cộng đối ứng TK 1121</b>			<b>39.961.500</b>	
28/02	PKT15	<b>K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra</b>		<b>3331</b>		88.302.903

**Tổng phát sinh nợ: 113.416.355**

**Tổng phát sinh có: 88.302.903**

**Số dư nợ cuối kỳ: 25.113.452**

CÔNG TY TNHH TM VT Đức Thịnh SỐ 35 Trần Khánh Dư- Ngô Quyền- Hải Phòng	Mẫu số S03b - DN (Ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)
---	---

**SỔ CÁI**  
**Tên TK: Thuế GTGT được khấu trừ**  
**Số hiệu: 133**  
**Năm 2011**  
**Từ ngày 01/11/2010 đến 30/11/2010**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>SPS trong tháng</b>			
...	...	..	...	...	...	...
06/11	NS/2010B 0027867	06/11	Mua lốp ô tô	1111	1.800.000	
12/11	NB/2010B 0093549	12/11	Mua bia nước ngọt	1111	1.797.200	
15/11	ME/2010B 0053209	15/11	Mua bếp ga	1111	1.740.000	
17/11	AC/2010T 052641	17/11	Trả tiền cước điện thoại	1111	116.379	
24/11	QS/2010B 0025952	24/11	Mua vòng bi	1111	1.632.899	
26/11	PQ/2010B 0096063	26/11	Dầu ăn	1111	1.519.400	
30/11	QH/2010B 0005616	30/11	Mua dầu thải	1111	1.020.000	
15/11	NB/2010B 0013669	15/11	Mua phụ tùng	1121	39.961.500	
...	....	....	.....	.....	.....	
30/11		30/11	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra	3331		88.302.903
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>113.416.355</b>	<b>88.302.903</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>25.113.452</b>	

<b>Người lập biểu</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--

Đối với hàng hóa, dịch vụ đơn vị mua của những tổ chức, cá nhân tự sản xuất, những sản phẩm mới qua sơ chế thông thường sách, báo, tạp chí, những dịch vụ như: khám chữa bệnh, bảo hiểm,... hoặc những hàng hóa, dịch vụ mua của những cơ sở nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì doanh nghiệp không khấu trừ thuế đầu vào vì theo phân B mục III có quy định như sau:

“Căn cứ để xác định số thuế đầu vào được khấu trừ là số thuế GTGT ghi trên hóa đơn GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào. Cơ sở kinh doanh không được tính khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường hợp hóa đơn GTGT không ghi đúng quy định của pháp luật”.

Như vậy, khi mua hàng hóa, dịch vụ không có hóa đơn hoặc hóa đơn GTGT không hợp lệ hoặc không phải hóa đơn GTGT thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Tài chính trong việc kê khai, khấu trừ thuế đầu vào. Điều này không phải doanh nghiệp nào cũng làm đúng.

#### 2.2.5. Kế toán thuế GTGT đầu ra.

Tài khoản sử dụng: TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

Tài khoản này có thể có số dư Có hoặc số dư Nợ

Số dư Có: Số thuế GTGT còn phải nộp.

Số dư Nợ: Số thuế GTGT hiện nộp thừa.

TK 3331 được quy định có 2 TK cấp 3:

+ 33311 “Thuế GTGT đầu ra”

+ 33312 “Thuế GTGT hàng nhập khẩu”

Chứng từ phản ánh nghiệp vụ chủ yếu của công ty liên quan đến thuế GTGT đầu ra là các hóa đơn GTGT do doanh nghiệp lập khi bán sản phẩm hàng hóa.

Một số nghiệp vụ bán ra:

- Ngày 03/11/2010: Hóa đơn GTGT số 0080564, Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh bán phụ tùng cho công ty TNHH TM Tuấn Linh với tổng số tiền là 14.174.600, thuế suất 10%, đã trả bằng tiền mặt.
- 
- Ngày 04/11/2010: Hóa đơn GTGT số 0080565, công ty TNHH TM VT Đức Thịnh bán vòng bi cho công ty CP ĐT & PT Thanh Chương với số tiền chưa bao gồm thuế VAT 10% là 18.100.000, đã trả bằng tiền mặt.
- 
- Ngày 08/11/2001: Hóa đơn GTGT số 0080568, công ty TNHH TM VT Đức Thịnh bán lốp cho công ty TNHH & V Tài Chương Hương với số tiền là 16.920.000 chưa bao gồm thuế VAT 10%, công ty đã trả bằng TM.
- 
- Ngày 22/11/2010, theo hóa đơn GTGT số 0080579, bán phụ tùng cho công ty Minh Khai với số tiền là 528.085.000, chưa bao gồm thuế VAT 10%.
- 
- Ngày 24/11/2011, theo hóa đơn GTGT số 0080584, công ty TNHH TM VT Đức Thịnh bán phụ tùng cho công ty TNHH Việt Sáng, tổng số tiền thanh toán là 15.719.000, thuế suất 10%, đã trả bằng TM.

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
1	2	3	4	5	6	
1	Phụ tùng	lô	01		12.886.000	
<b>Cộng tiền hàng :</b>					<b>12.886.000</b>	
Thuế suất GTGT : 10%					Tiền thuế GTGT :	<b>1.288.600</b>
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>14.174.600</b>	
Số tiền viết bằng chữ: ..... <i>Mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn sáu trăm đồng chẵn.</i>						

<p><b>Người mua hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p><b>Người bán hàng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)</p>	<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>
--	--	---

<p><b>HOÁ ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 3: Nội bộ</p>		<p>Mẫu số: 01 GTKT -3LL LG/2010B 0080565</p>													
<p>Ngày 04 tháng 11 năm 2010</p>															
<p>Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh .....</p>															
<p>Địa chỉ: Số 3B – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền - Hải Phòng.....</p>															
<p>Số tài khoản: .....</p>															
<p>Điện thoại: .....</p>		<p>MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>4</td><td>8</td><td>2</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr></table></p>	0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
0	2	0	0	2	4	4	8	2	1						
<p>Họ tên người mua hàng: .....</p>															
<p>Tên đơn vị: Công ty CP ĐT &amp; PT Thanh Chương</p>															
<p>Số tài khoản: .....</p>															
<p>Hình thức thanh toán:.....TM..</p>		<p>MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>3</td><td>8</td><td>0</td><td>7</td><td>9</td><td></td><td></td><td></td></tr></table></p>	0	2	0	0	6	3	8	0	7	9			
0	2	0	0	6	3	8	0	7	9						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6										
1	Vòng bi	lô	01		18.100.000										
<p>Cộng tiền hàng :</p>					<p><b>18.100.000</b></p>										
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			<p><b>1.810.000</b></p>										
<p>Tổng cộng tiền thanh toán :</p>					<p><b>19.910.000</b></p>										



Số tiền viết bằng chữ: .....Mười chín triệu chín trăm mười ngàn đồng.

**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**HOÁ ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
Liên 3: Nội bộ

Mẫu số:01 GTKT -3LL  
LG/2010B  
0080568

Ngày 08 tháng 11 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh .....  
Địa chỉ: Số 3B – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền - Hải Phòng.....  
Số tài khoản:.....  
Điện thoại: .....: MS: 

0	2	0	0	2	4	4	8	2	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

Họ tên người mua hàng:.....  
Tên đơn vị: Công ty TNHH & V Tải Chương Hương  
Số tài khoản: .....  
Hình thức thanh toán:.....TM.. MS: 

0	2	0	1	0	3	6	3	6	6
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

--	--	--

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1	Lốp	Cái	10		16.920.000

**Cộng tiền hàng : 16.920.000**

**Thuế suất GTGT : 10%      Tiền thuế GTGT : 1.692.000**

<b>Tổng cộng tiền thanh toán :</b>		<b>18.612.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: .....Mười tám triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng.		
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số: 01 GTKT -3LL													
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		LG/2010B													
Liên 3: Nội bộ		0080579													
Ngày 22 tháng 11 năm 2010															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh .....															
Địa chỉ: Số 3B – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền - Hải Phòng.....															
Số tài khoản: .....															
Điện thoại: .....		MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>2</td><td>4</td><td>4</td><td>8</td><td>2</td><td>1</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	0	2	0	0	2	4	4	8	2	1			
0	2	0	0	2	4	4	8	2	1						
Họ tên người mua hàng: .....															
Tên đơn vị: Công ty Minh Khai															
Số tài khoản: .....															
Hình thức thanh toán: .....CK.....		MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>0</td><td>9</td><td>4</td><td>8</td><td>9</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>	0	1	0	0	5	0	9	4	8	9			
0	1	0	0	5	0	9	4	8	9						
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền										
1	2	3	4	5	6										
1	Phụ tùng	lô	01		528.085.000										

<b>Cộng tiền hàng</b>	<b>528.085.000</b>
Thuế suất GTGT : 10%	<b>Tiền thuế GTGT : 52.808.500</b>
	<b>Tổng cộng tiền thanh toán : 580.893.500</b>
Số tiền viết bằng chữ: .. <i>Năm trăm tám mươi triệu tám trăm chín mươi ba ngàn năm trăm đồng</i> ...	
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>	<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>
	<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>

<b>HOÁ ĐƠN</b>		Mẫu số:01 GTKT -3LL			
<b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		LG/2010B			
Liên 3: Nội bộ		0080584			
Ngày 24 tháng 11 năm 2010					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh .....					
Địa chỉ: Số 3B – Trần Khánh Dư- Ngô Quyền - Hải Phòng.....					
Số tài khoản:.....					
Điện thoại: .....	MS:	0 2 0 0 2 4 4 8 2 1			
Họ tên người mua hàng:.....					
Tên đơn vị: Công ty TNHH Việt Sáng .....					
Số tài khoản: .....					
Hình thức thanh toán:.....TM.....	MS:	0 2 0 0 8 2 6 9 9 6			
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6

1	Phụ tùng	lô	01		14.290.000
<b>Cộng tiền hàng :</b>					<b>14.290.000</b>
Thuế suất GTGT : 10%		Tiền thuế GTGT :			<b>1.429.000</b>
Tổng cộng tiền thanh toán :					<b>15.719.000</b>
Số tiền viết bằng chữ: ..... <i>Mười năm triệu bảy trăm mười chín ngàn đồng chẵn</i> .....					
<b>Người mua hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Người bán hàng</b> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>		<b>Thủ trưởng đơn vị</b> <i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i>	
CÔNG TY TNHH TM VT Đức Thịnh SỐ 35 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng			Mẫu số S03a - DN (Ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC		

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**  
**Năm 2011**

*Từ 01/02/2011 đến 28/02/2011*

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
02/02	QV/2010B 0058274	02/02		112	209.181.818	
				511		190.090.909
			VAT 10%	3331		19.090.909

5/10	HĐ 0073504	5/10	Chi tiếp khách	642	1.226.364	
				133	122.636	
			VAT 10%	111		1.349.000
7/10	HĐ 0000077	7/10	Bán dưa chuột dầm	112	148.000.000	
				511		135.000.000
			VAT 10%	3331		13.500.000
7/10	HĐ 0000078	7/10	Bán bột agar	111	440.000	
				511		400.000
			VAT 10%	3331		40.000
...	...	...	...	...	...	...
19/10	HĐ 0004298	19/10	Mua dầu diesel	152	1.813.637	
				133	181.364	
			VAT 10%	111		1.995.001
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Tổng cộng tháng 02</b>		<b>5.531.339.263</b>	<b>5.531.339.263</b>

<b>Người lập biểu</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--

**Sổ chi tiết tài khoản**  
**Tài khoản: 3331 – Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**  
**Từ ngày: 01/11/2010 đến 30/11/2010**

Số dư đầu kỳ:

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
....	...	...	...	...	...	...
03/11	LG/2010B 0080564	CTy TNHH TM Tuấn Linh	Bán phụ tùng	1111		1.288.600
04/11	LG/2010B 0080565	Cty CP ĐT& PT Thanh Chương	Bán vòng bi	1111		1.810.000
08/11	LG/2010B 0080568	Cty TNHH & V Tải Chương Hương	Bán lốp	1111		1.692.000
24/11	LG/2010B 0080584	Cty TNHH Việt Sáng	Bán phụ tùng	1111		1.429.000
....	....	.....	.....	.....	.....	.....
		<b>Cộng đối ứng TK 1111</b>				43.977.597
22/11	LG/2010B 0080579	Cty Minh Khai	Bán phụ tùng	1121		52.808.500
		<b>Cộng đối ứng TK 1121</b>				<b>52.808.500</b>
30/11	PKT15	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra		<b>1331</b>	<b>88.302.903</b>	

**Tổng phát sinh nợ: 88.302.903**

**Tổng phát sinh có: 88.302.903**

Số dư nợ cuối kỳ:



CÔNG TY TNHH TM VT Đức Thịnh Số 35 Trần Khánh Dư –Ngô Quyền – Hải Phòng	Mẫu số S03b - DN (Ban hành theo quyết định QĐ 15/2006/QĐ/BTC Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC)
--	---

**SỔ CÁI**  
**Tên TK: Thuế GTGT phải nộp**  
**Số hiệu: 333**  
**Năm 2011**  
**Từ ngày 01/11/2010 đến 30/11/2010**

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	SHT KĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<b>Số dư đầu kỳ</b>			
			<b>SPS trong tháng</b>			
...	...	...	...	....	....	...
03/11	LG/2010B 0080564	03/11	Bán phụ tùng	1111		1.288.600
04/11	LG/2010B 0080565	04/11	Bán vòng bi	1111		1.810.000
08/11	LG/2010B 0080568	08/11	Bán lớp	1111		1.692.000
24/11	LG/2010B 0080584	24/11	Bán phụ tùng	1111		1.429.000
22/11	LG/2010B 0080579	22/11	Bán phụ tùng	1121		52.808.500
....	....	....	....	...		.....
30/11		30/11	K/c bù trừ thuế GTGT đầu vào, đầu ra	1331	88.302.903	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		88.302.903	<b>88.302.903</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>			

<b>Người lập biểu</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)	<b>Giám đốc</b> (Ký, ghi rõ họ tên)
--	--	--



## 2.2.6. kê khai, khấu trừ và nộp thuế GTGT.

### 2.2.6.1. kê khai thuế:

Hàng tháng sau khi xác định số thuế GTGT phải nộp, số thuế đã nộp, kế toán xác định số thuế cần phải nộp, số thuế đã nộp thừa vào ngân sách Nhà nước, trên cơ sở đó kế toán lập tờ khai thuế GTGT theo mẫu quy định 01/GTGT do Bộ Tài chính phát hành. Căn cứ để lập tờ khai thuế bằng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-2/GTGT, bằng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra mẫu số 01-1/GTGT, sổ cái tài khoản 3331...

Sau khi lập tờ khai thuế GTGT, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ quan thuế kèm theo bảng tổng hợp, bằng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào và bằng tổng hợp, bằng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ bán ra. Theo quy định thời gian gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là trong mười ngày đầu tháng tiếp theo.

### 2.2.6.2. Khấu trừ thuế GTGT:

Hàng tháng căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, trên cơ sở tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra, kế toán tiến hành khấu trừ thuế GTGT.

Trong tháng 10, căn cứ vào tờ khai thuế GTGT tháng 10/2010 kế toán xác định:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ kỳ trước chuyển sang 56.376.940 (đồng)
- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ: 6.381.721 (đồng)
- Thuế GTGT đầu ra: 58.743.863 (đồng)

Tổng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong kỳ: 62.758.661 (đồng)

> Thuế GTGT đầu ra: 58.743.863

→ Thuế GTGT phải nộp trong tháng 10: 58.743.863

Bút toán khấu trừ thuế GTGT được thực hiện vào cuối tháng, sau khi xác định được tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ mua vào và bán ra. Về nguyên tắc chỉ được khấu trừ theo số nhỏ hơn, và đơn vị đã thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT theo đúng nguyên tắc quy định.

### 2.2.6.3. Nộp thuế GTGT

Đơn vị nộp thuế GTGT bằng tiền gửi ngân hàng. Hàng tháng sau khi nhận được thông báo nộp thuế của cơ quan thuế, trong thời gian quy định

(chậm nhất không quá 25 ngày của tháng tiếp theo), kế toán công ty sẽ thực hiện nộp thuế theo đúng quy định.

#### **2.2.6.4. Quy trình lập tờ khai thuế GTGT:**

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế ” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

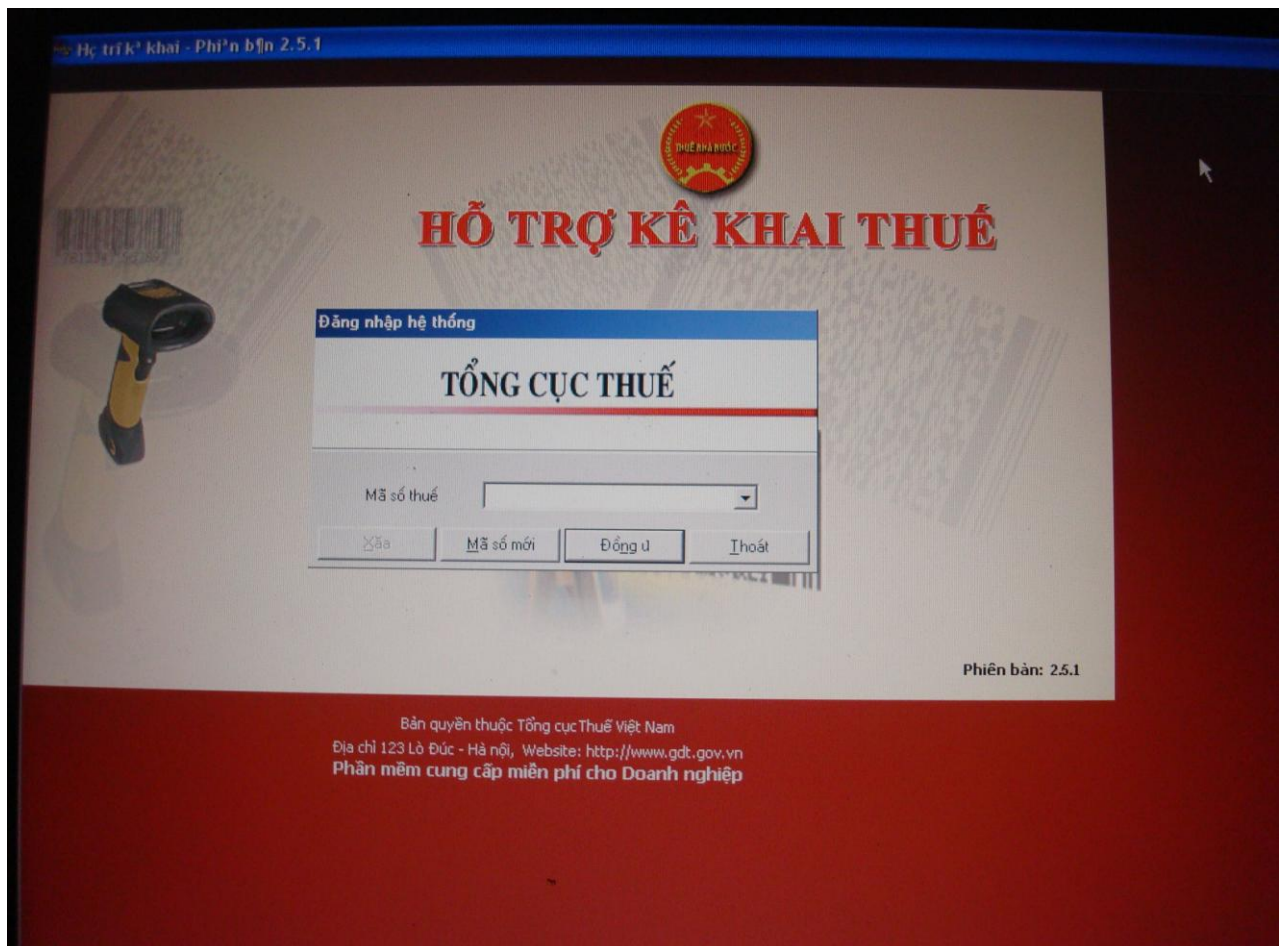
Phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế “ cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hóa thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hóa thông tin trên tờ khai, cơ quan thuế đảm bảo sẽ ghi nhận, xử lý thông tin kê khai của tổ chức cá nhân nộp thuế đầy đủ, chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai, cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, kí tên, đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành 3 bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ lưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này)

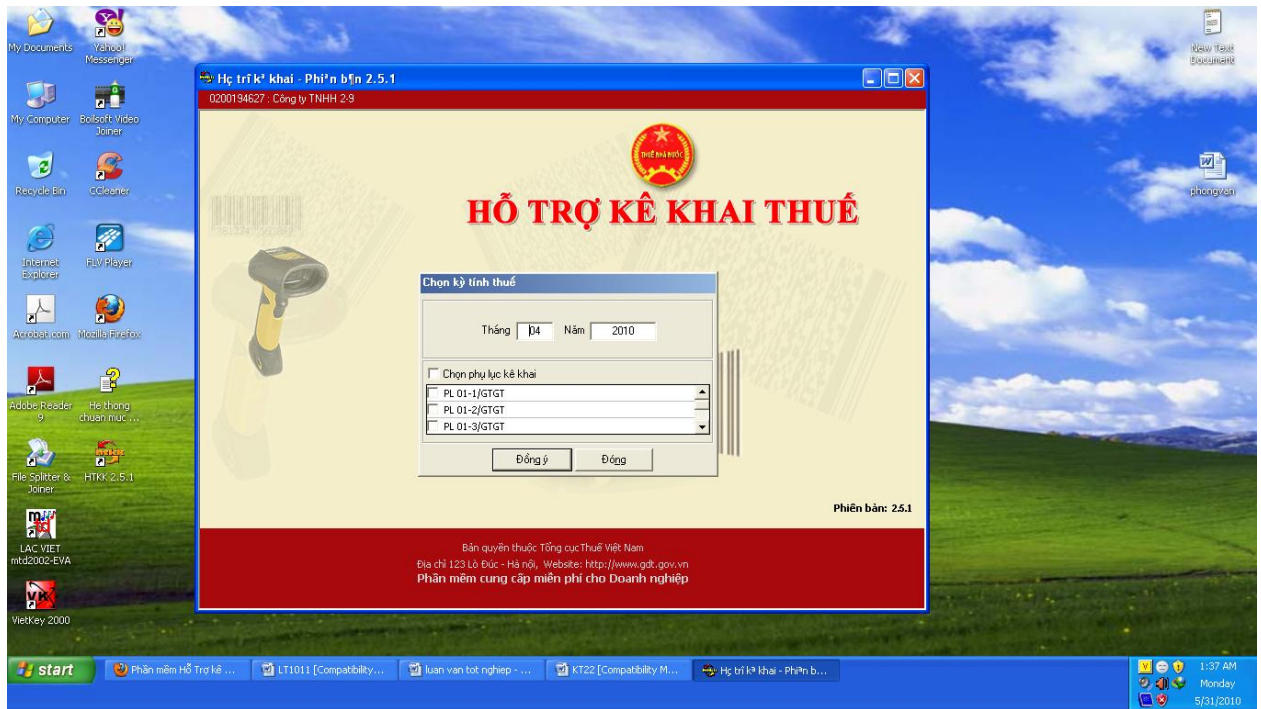
Hiện tại do yêu cầu của cơ quan thuế, Công ty dùng phần mềm Hỗ trợ kê khai phiên bản 2.5.1



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “Mã số thuế” sau đó kích chuột vào chữ “Đồng ý”.



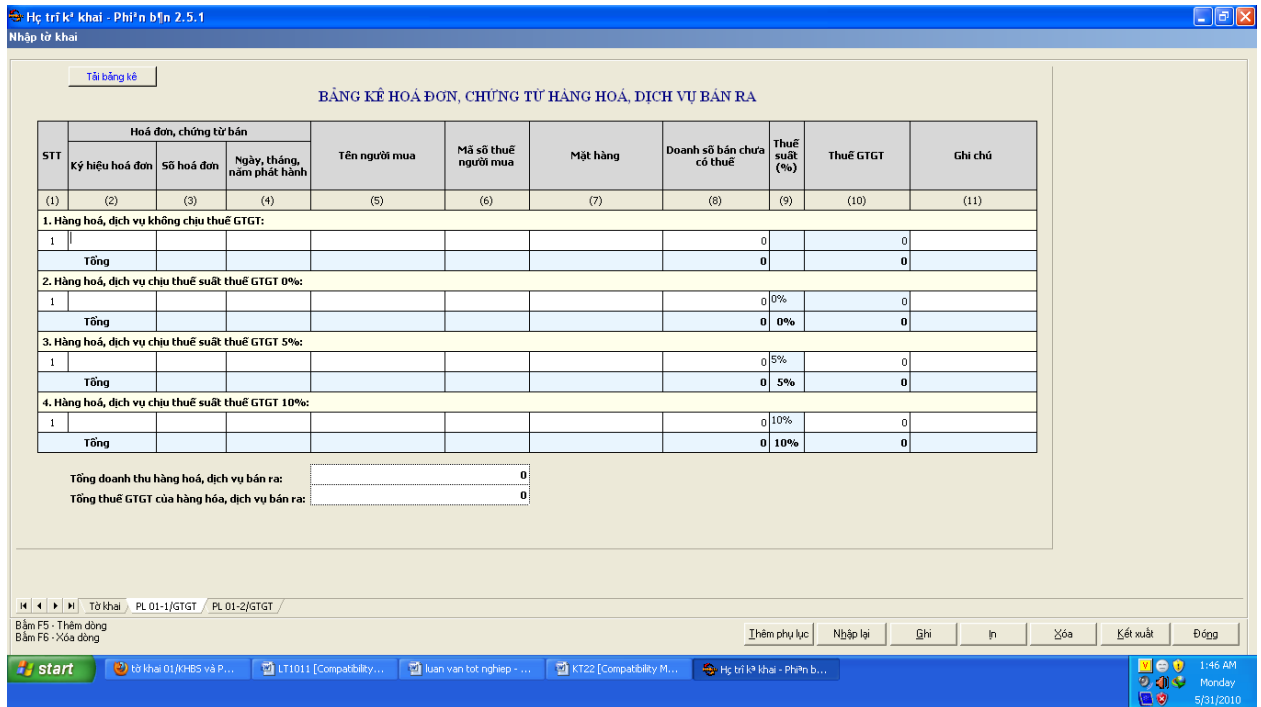
Lúc này kế toán sẽ lựa chọn dòng “ Tờ khai GTGT khấu trừ ( 01/GTGT ) . Giao diện tiếp theo là :



Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “ PL 01-1/GTGT “ và “ PL 01-2/GTGT “ rồi kích chuột vào “ đồng ý “. Kế toán chỉ sử dụng “ PL 01-3/GTGT “ sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên tay trái “ Tờ khai “ , “ PL 01-1/GTGT “ , “ PL 01-2/GTGT “.

Kích chuột vào “ PL 01-1/GTGT “ nếu như muốn kê khai hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.



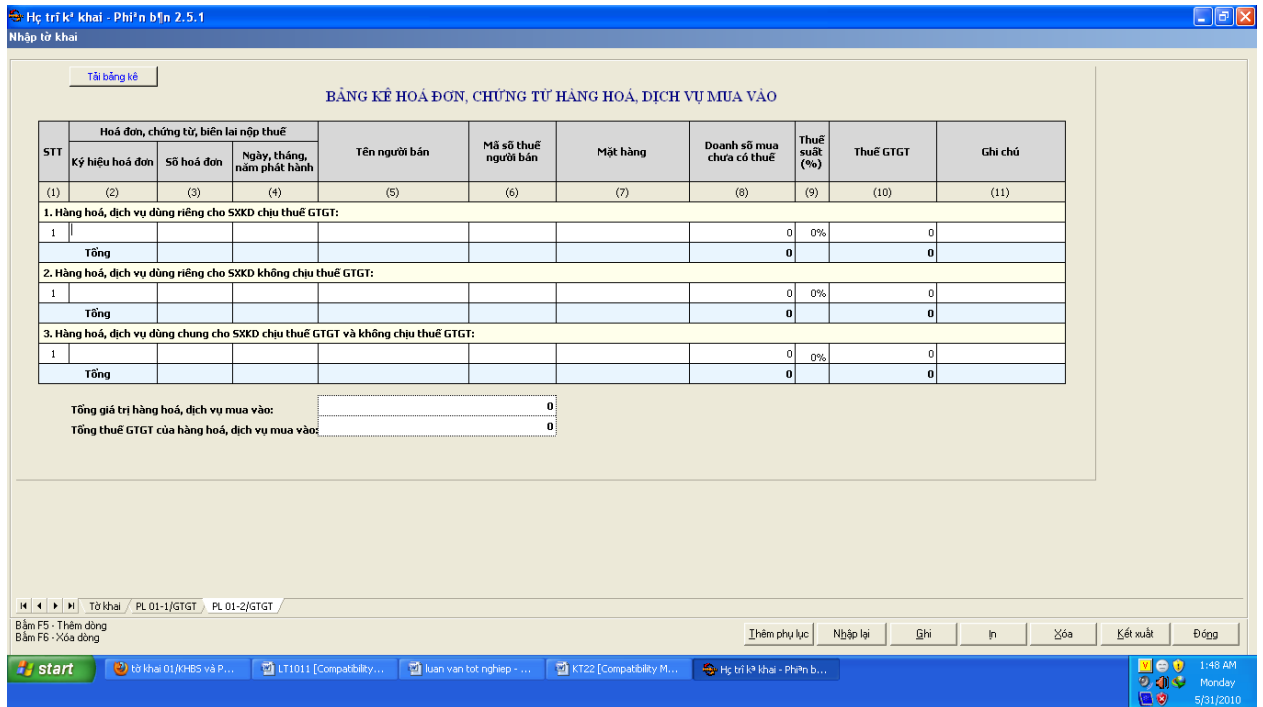
Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ bán ra. Phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai. Nếu hết thì thôi.

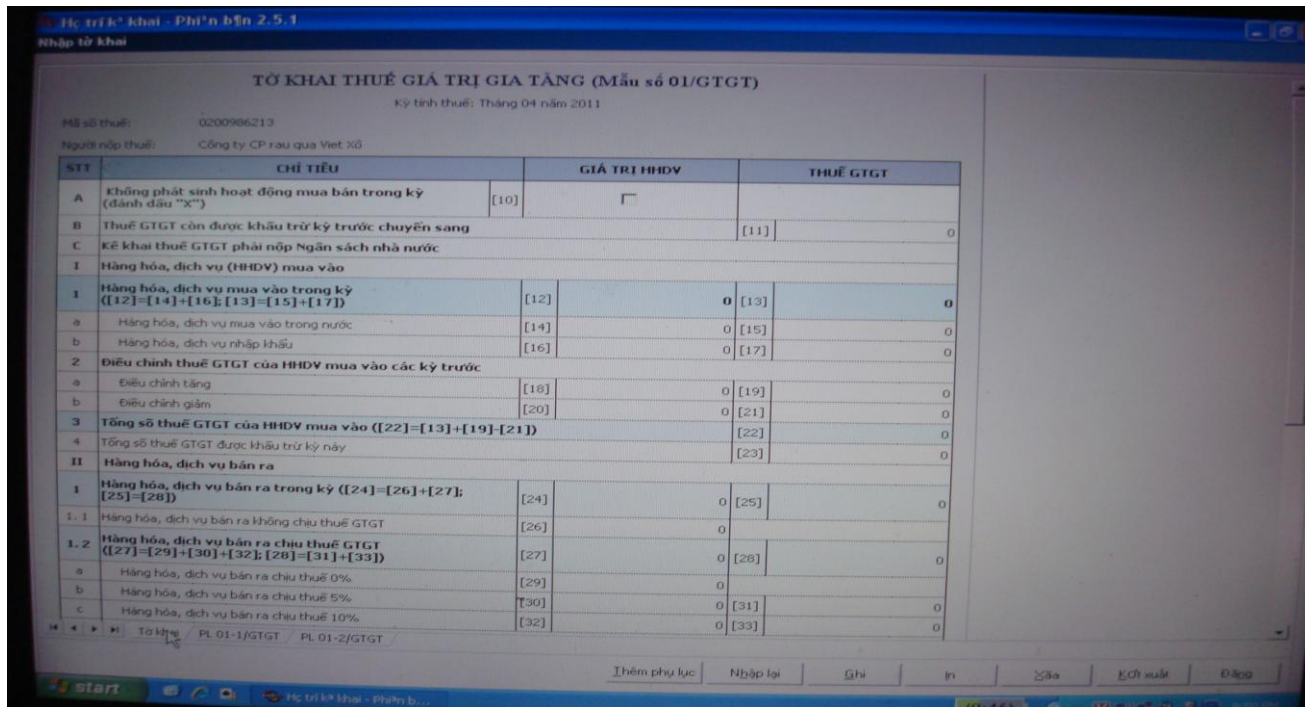
Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi “. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “ Đã ghi số liệu thành công “. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng “. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT “, nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.



Ở phần này, kế toán cũng thực hiện các thao tác y như với phần kê khai bán ra, nhưng hoá đơn là những hoá đơn mua vào.

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự nhảy sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng



#### 4. Một số quy định chung, nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT

Một số quy định chung:

Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:

- “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
- “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
- “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa dịch vụ”

Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng...năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:

- [01]: Kỳ tính thuế: tháng 11 năm 2010
- [02]: Người nộp thuế: Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh
- [03]: Mã số thuế: 0200244821
- [04]: Địa chỉ trụ sở: Số 35 Trần Khánh Dư
- [05]: Quận/huyện: Ngô Quyền



- [06]: Tỉnh/ Thành phố: Hải Phòng

Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam. Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT. Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi. Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn 0 thì phần số ghi vào tờ khai được để trong ngoặc (). Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có bảng giải trình đính kèm.

Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu tại các điểm 1,2,3 mục I này và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

#### 2.2.6.4. Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT (mẫu số 01/GTGT)

##### A- Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không có các hoạt động mua, bán hàng hóa, dịch vụ thì đánh dấu “X” vào ô mã số [10], đồng thời không phải điền số liệu vào các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

##### B- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [11]

[11] : Không phát sinh trong kỳ

##### C- Kê khai thuế GTGT phải nộp NSNN

###### 1. Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

- Mã số [12]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ chưa có thuế GTGT, bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước và nhập khẩu.
- [12]: 1.151.391.814
- Mã số [13]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ, bao gồm số thuế GTGT của HHDV mua vào trong nước và số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu.
- [13]: 113.416.355

## 2. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước”

- Mã số [14]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào trong nước (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua HHDV.
- [14]: 1.151.391.814
- Mã số [15]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT trên các hóa đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của HHDV mua vào trong nước.
- [15]: 113.416.355

## 3. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu”

- Mã số [16]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số giá trị của HHDV nhập khẩu trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT)
- [16]: không phát sinh trong kỳ

- Mã số [17]: Số liệu để ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đã nộp ở khâu nhập khẩu trong kỳ

- [17]: Không phát sinh trong kỳ

4. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước”

- Mã số [18], [20]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh giá trị của HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

- [18], [20]: Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [19], [21]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh số thuế GTGT của HHDV mua vào điều chỉnh tăng, giảm trong các trường hợp được điều chỉnh theo chế độ quy định.

- [19], [21]: Không phát sinh trong kỳ

5. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào:

- Mã số [22]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào bao gồm tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước.

- [22]: 113.416.355

6. Chỉ tiêu “Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này”

- Mã số [23]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ

- [23]: 113.416.355

B- Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) bán ra

1. Chỉ tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ”

- Mã số [24]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa có thuế GTGT) bao gồm HHDV bán ra chịu thuế GTGT và HHDV bán ra chịu thuế GTGT.

- [24]: 883.028.547

- Mã số [25]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với số HHDV bán ra trong kỳ đã ghi vào mã số [24]. Số liệu ở mã số này bằng số liệu ghi ở mã số [28]

- [25]: 88.302.903

2. Chi tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- Mã số [26]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế GTGT của cơ sở kinh doanh.

- [26]: Không phát sinh trong kỳ

3. Chi tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- Mã số [27]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT

- [27]: 883.028.547

- Mã số [28]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27].

- [28]: 88.302.903

4. Chi tiêu “Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%”

- Mã số [29]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%

- [29]: Không phát sinh trong kỳ

5. Chi tiêu “hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%”

- Mã số [30]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%

- [30]: Không phát sinh trong kỳ
- Mã số [31]: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30]

- [31]: Không phát sinh trong kỳ

#### 6. Chỉ tiêu “hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%”

- Mã số [32]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ (giá trị chưa thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%

- [32]: 883.028.547

- Mã số [33]: Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị HHDV bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32]

- [33]: 88.302.903

#### 7. Chỉ tiêu “Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước”:

- Mã số [34], [36]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm của tổng giá trị HHDV bán ra (giá trị chưa có thuế GTGT) của các kỳ kê khai trước.

- [34], [36]: Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [35], [37]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng, giảm số thuế GTGT của HHDV bán ra của các kỳ kê khai trước.

- [35], [37]: Không phát sinh trong kỳ

#### 8. Chỉ tiêu “Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra”

- Mã số [38]: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm của các kỳ kê khai trước.

$$[38] = [24] + [34] - [36]$$

- [38]: 883.028.547

- Mã số [39]: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[39] = [25] + [35] - [37]$$

- [39]: 88.302.903

III. Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ”

- Mã số [40]: Số liệu để ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[40] = [39] - [23] - [11] \geq 0$$

Trường hợp kết quả tính toán của chỉ tiêu  $[39] = 0$  thì phải ghi số “0” vào kết quả

2. Chỉ tiêu “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này”

- Mã số [41]: Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[41] = [39] - [23] - [11] < 0$$

Nếu đã có số liệu ghi vào chỉ tiêu [41] thì sẽ không có số liệu ghi vào chỉ tiêu [40]

- [41]: 25.113.452

3. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn kỳ này”

- Mã số [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn thuế theo chế độ quy định

- [42]: Không phát sinh

4. Chỉ tiêu “Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau”

- Mã số [43]: Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

Kết quả của mã số 43 của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [11] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo

- [43]: 25.113.452

### **PHẦN III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP CẦN HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH TM VT Đức Thịnh**

#### **I. Yêu cầu của việc hoàn thiện:**

##### **1. Hoàn thiện phải phù hợp với chính sách và chuẩn mực kế toán**

Như ta đã biết yêu cầu của kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng là phải tuân thủ đúng theo chuẩn mực kế toán mới nhất cũng như những chế độ, chính sách tài chính của nhà nước. Một doanh nghiệp cho dù hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề nào, thuộc loại hình nào thì cũng phải tuân thủ theo đúng những quy định của Bộ tài chính trong việc sử dụng, ghi chép hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế, khấu trừ thuế và nộp thuế. Nếu doanh nghiệp không làm đúng những quy định hiện hành về thuế thì lập tức sẽ có sự can thiệp của cơ quan thuế trực tiếp quản lý. Chính vì vậy việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT phải theo hướng phù hợp với chế độ, chính sách thuế cũng như chuẩn mực kế toán hiện hành, một mặt để thuận lợi trong công tác quản lý, mặt khác để không vi phạm chính sách quản lý kinh tế của Nhà nước. Nhà nước ta luôn tạo điều kiện thuận lợi, đối xử công bằng đối với tất cả các doanh nghiệp, bất cứ doanh nghiệp nào kinh doanh không đúng pháp luật đều bị xử phạt nghiêm

minh. Nếu như doanh nghiệp thực hiện đúng theo những quy định hướng dẫn của Nhà nước thì đương nhiên là sẽ được hưởng mọi ưu đãi trong mọi lĩnh vực.

## **2. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp**

Việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp nói chung và tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh nói riêng, không chỉ phải phù hợp với chính sách, chế độ và chuẩn mực kế toán của Nhà nước mà phải đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề kinh doanh khác nhau, triết lý kinh doanh của người chủ doanh nghiệp khác nhau thì cách thức quản lý tại từng doanh nghiệp khác nhau. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bởi vì bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đã bước chân vào thương trường thì đều đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Công việc quản lý của người chủ là đề ra mục tiêu, xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Do đó thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận. Việc hoàn thiện nếu không đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp thì sẽ mất đi ý nghĩa chủ quan của nó, về mặt lý thuyết nếu thiếu bất kỳ một ý nghĩa nào thì không được coi là hoàn thiện. Nói tóm lại trên đây là hai yêu cầu đặt ra trước hết của việc tổ chức hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng,



dưới đây tôi sẽ đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại đơn vị thực tập căn cứ vào hai yêu cầu đó.

## **II. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh.**

### **1. Nhận xét chung về tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh.**

Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, tuy nhiên Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phần hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty. Công tác kế toán của Công ty đều tuân thủ nghiêm ngặt theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng. Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về thuế GTGT, đơn vị đều làm theo hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế. Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng hướng dẫn của cơ quan thuế.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Cụ thể là:

\*/ Về ưu điểm:

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT: Hóa đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào, bảng kê hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ bán ra, tờ khai thuế GTGT...

- Kê khai đầy đủ các hóa đơn, chứng từ của hàng hóa, dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định. Riêng bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào tháng 10/2010 có một vài hóa đơn, chứng từ của tháng 9/2010, điều này là hoàn toàn hợp lý bởi theo Luật thuế hiện hành, nếu chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ để kê khai trong tháng này thì có thể kê khai vào tháng sau, tối đa không quá 6 tháng, việc kê khai hóa đơn, chứng từ của tháng 9 vào bảng kê của tháng 10 là vẫn nằm trong thời gian quy định.

- Công ty đã áp dụng phần mềm Hỗ trợ kê khai thuế phiên bản mới nhất trong việc kê khai thuế giúp cho việc kê khai thuế tương đối thuận tiện, nhanh chóng và chính xác.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng quy định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

\*/ Về nhược điểm:

- Chưa có sự đối chiếu giữa hóa đơn mua vào, bán ra với bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào, bán ra.

- Trong thực tế, Công ty kê khai thuế giá trị gia tăng đôi khi còn bỏ sót hóa đơn đầu vào và đầu ra. Trong thời gian 6 tháng thì doanh nghiệp vẫn được kê khai bổ sung. Nhưng có những hóa đơn quá 6 tháng doanh nghiệp vẫn tiến hành kê khai bổ sung. Điều này là sai với quy định.

- Thiếu đối chiếu số liệu giữa sổ cái TK 133, 333 với bảng kê và tờ khai thuế dẫn đến số liệu không khớp.

- Doanh nghiệp chưa lập báo cáo sử dụng hóa đơn dẫn đến việc không kiểm soát được hóa đơn đầu ra. Do vậy vẫn có thể gây thiếu sót.

- Trường hợp hóa đơn có sự sai sót khi hủy hóa đơn doanh nghiệp chưa tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn

- Trường hợp hóa đơn có sự sai sót khi hủy hóa đơn doanh nghiệp chưa tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn.

- Trường hợp bán lẻ, doanh nghiệp không tiến hành ghi hóa đơn. Việc này là sai với quy định

- Ở Công ty vẫn chưa có một kế toán chuyên trách về mảng thuế GTGT

## **2. Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH TM VT Đức Thịnh.**

Căn cứ vào những nhận xét đã nêu ở chương trên, tôi xin có một số đề xuất như sau:

- Cần có sự đối chiếu giữa hóa đơn mua vào, bán ra với bảng kê hàng hóa, dịch vụ mua vào.

- Trường hợp kê khai thuế còn thiếu sót hóa đơn đầu vào, đầu ra, kế toán cần điều chỉnh kịp thời vào tháng phát hiện ra sai sót này. Với hóa đơn đầu vào thì trong thời hạn 6 tháng có thể khai bổ sung còn nếu quá 6 tháng thì doanh nghiệp không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào nữa mà kế toán sẽ phải hạch toán vào chi phí. Còn với hóa đơn đầu ra không được phép kê khai bổ sung mà phải làm các tờ khai điều chỉnh theo mẫu biểu 01/KHSB và phụ lục 01-3/GTGT.

Giải trình khai bổ sung điều chỉnh:

Hệ trình khai - Phiên bản 2.5.1  
Nhập tờ khai

**GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH**  
(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại  
tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT kỳ tính thuế: 10/2010 ngày kê khai 22/11/2010)  
TỜ KHAI BỔ SUNG lập ngày : 27/11/2010

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
<b>I. Chi tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp</b>					
1			0	0	0
<b>II. Chi tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp</b>					
1			0	0	0
<b>III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -)</b>					
					0

Số ngày nộp chậm: 5  
Số tiền phạt nộp chậm: 0  
Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

Tờ khai điều chỉnh KHBS

Quay Nhập lại Ghi In Kết xuất Đăng

Tờ khai bổ sung:

Hệ tính thuế khai - Phiên bản 2.5.1  
 Nhập tờ khai

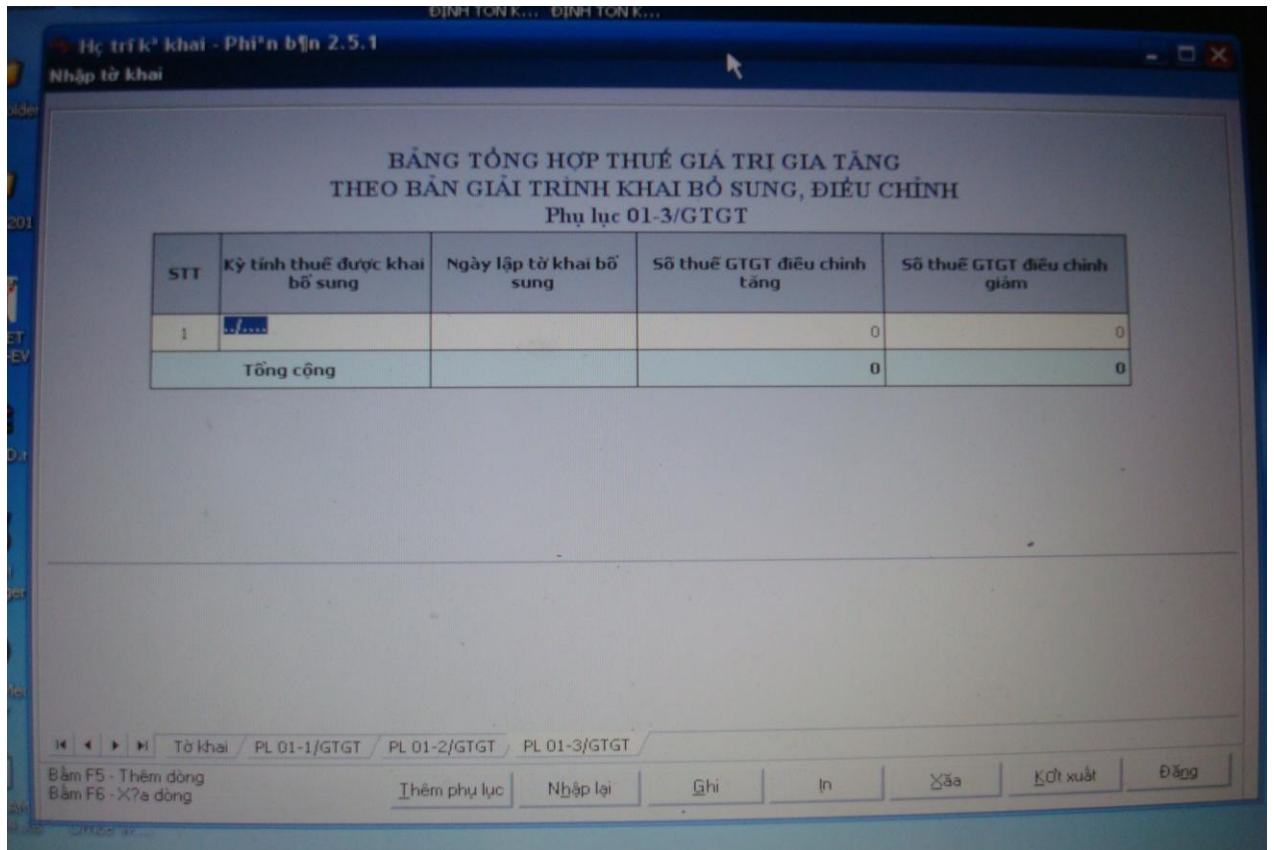
**TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)**  
 Kỳ tính thuế: Tháng 10 năm 2010

Mã số thuế: 0200986213  
 Người nộp thuế: Công ty CP rau quả Việt Xô

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua bán trong kỳ (đánh dấu "X") [10]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [11]		0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào		
1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12]=[14]+[16]; [13]=[15]+[17]) [12]	0 [13]	0
a	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước [14]	0 [15]	0
b	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu [16]	0 [17]	0
2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước		
a	Điều chỉnh tăng [18]	0 [19]	0
b	Điều chỉnh giảm [20]	0 [21]	0
3	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22]=[13]+[19]-[21]) [22]		0
4	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [23]		0
TT	Hàng hóa, dịch vụ bán ra		
	Tờ khai điều chỉnh / KHBS		

Xóa    Nhập lại    Ghi    In    Kết xuất    Đóng

Phụ lục 01-3/GTGT:



- Cần có sự kiểm tra đối chiếu số liệu giữa sổ chi tiết và tờ khai thuế GTGT, để tránh trường hợp không khớp về mặt số liệu. Việc này đòi hỏi kế toán cần kiểm tra lại thường xuyên chứng từ gốc nhằm tránh trường hợp bỏ sót nghiệp vụ. Việc kiểm tra đối chiếu có thể thông qua các bảng sau:

Niên độ kế toán: Năm 2010

Khoản mục TK: 13311, 33311

Tháng	Hạch toán				Kê khai				Chênh lệch	
	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra	Số còn được khấu trừ	Số phải nộp	VAT đầu vào	VAT đầu ra
<b>Dư đầu kì</b>										

T1/2010									
T2/2010									
T3/2010									
T4/2010									
...									
T11/2010									
T12/2010									
<b>Cộng</b>									

Số còn được khấu trừ:

Chênh lệch:

Niên độ kế toán: 2010

Khoản mục TK 511

<b>Kê khai</b>			<b>Chênh lệch</b>		<b>Tờ khai</b>		
<b>Doanh thu</b>	<b>VAT đầu ra</b>	<b>Thuế suất</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>VAT đầu ra</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>VAT đầu ra</b>	<b>Thuế suất</b>

- Kế toán phải quản lí chặt chẽ hóa đơn, lập báo cáo sử dụng hóa đơn theo tháng. Hàng tháng đếm số hóa đơn thực tế và so sánh với số lượng trên bản kê bán ra.

- Khi xảy ra trường hợp ghi sai hóa đơn, kế toán phải tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn

Mẫu biểu biên bản hủy hóa đơn:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----  
**BIÊN BẢN HỦY HÓA ĐƠN**

Hôm nay, ngày

...../...../.....tại.....

Hai bên chúng tôi gồm:

Sinh viên : Nguyễn Thị Thu Trang – Lớp QTL 302K



**BÊN A:**

.....  
.....

**Địa chỉ:**

.....

**Mã số**

**thuế:**.....

.

**Người đại**

**diện:**.....

**Chức**

**vụ:**.....

.

**BÊN B:**

.....  
.....

**Địa chỉ:**

.....

**Mã số**

**thuế:**.....

.

**Người đại**

**diện:**.....

**Chức**

**vụ:**.....

.

**Chúng tôi cùng tiến hành lập biên bản với nội dung sau:**

Ngày ...../...../.....bên.....lập hóa đơn cho bên.....với nội dung:





